

Tĩnh Hoa Kinh Luận Nguyên Thủy

Bài 71

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 21.01. 2026

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

<https://www.youtube.com/watch?v=6j2LtkeYprA>

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

<https://www.facebook.com/suthaythichthientrang>

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là bài 71, trong chuyên đề Tĩnh Hoa Kinh Luận Nguyên Thủy. Hôm nay, chúng ta tiếp tục học, phần đầu tiên là phần tinh hoa trong Kinh Nikaya và Kinh A Hàm. Rồi sau đó chúng ta học Vi Diệu Pháp. Mời quý vị, chúng ta theo dõi một câu chuyện:

Câu Chuyện Về 500 Cung Nữ Vua Ưu Điền Bị Chết Cháy

(Theo Kinh Tiểu Bộ)

Như vậy tôi nghe: Một thời Thế Tôn trú ở Kosambī tại khu vườn Ghositā.

Lúc bấy giờ, vua Udena (Vua Ưu Điền) đang đi ngoài vườn thì nội cung bị cháy và năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sāmāvatī. Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Kosambī để khát thực. Các Tỷ-kheo ấy khát thực ở Kosambī xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi vua Udena đi ra ngoài vườn, nội cung bị cháy, năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sāmāvatī. Các Nữ cư sĩ ấy, sanh thú họ là gì? Tương lai họ thế nào?

Chắc quý vị cũng nắm được, nội dung rất là ngắn. Vua Udena tức là vua Ưu Điền, ông có nhiều cung nữ và Hoàng hậu. Khi ông đi ra ngoài vườn thì cung điện và 500 cung nữ, đứng đầu là bà Hoàng hậu Sāmāvatī [bị] chết cháy. Các Tỷ-kheo thì hằng ngày đắp y, cầm y bát đi khát thực (đắp y là đắp y lên, Tỷ-kheo còn có một y ngoài nữa, y đặc biệt đó, mang lên giống như quý vị thấy đoàn của Sư Minh Tuệ đó). [Các sư] vác thêm một y đó và cầm bát đi khát thực. Các Tỷ-kheo đi vào thành Kosambī và thấy cảnh các cung nữ của vua Ưu Điền bị chết cháy như vậy.

[Các vị] đó khát thực xong, đi về bạch với Đức Phật và hỏi là những người Cư sĩ đó, họ cũng tín thọ, tin theo lời của Phật tu hành. Vậy thì sanh thú của họ là gì? Tương lai của họ như thế nào? Sanh thú tức là đường sanh về, đường sanh tiếp theo của họ đi đâu? Tức là họ chết rồi thì họ sanh ở đâu? Và tương lai họ như thế nào?

Quý vị thấy các Tỷ-kheo cũng có quan tâm [đến họ] đúng không ạ? Chúng ta cũng vậy, chúng ta mà gặp Phật thì chắc là chúng ta cũng sẽ hỏi sanh thú là đi về đâu, tương lai thế nào, nếu có người nào chết. Chúng ta coi thử xem Đức Phật trả lời thế nào.

- Nay các Tỷ-kheo, có Nữ cư sĩ là bậc Dự lưu, có vị là bậc Nhất lai, có vị là bậc Bất lai. Nay các Tỷ-kheo, tất cả các Nữ cư sĩ ấy mạng chung không phải không có kết quả.

Đức Phật nói quý vị nghe cho kỹ. [Ngài nói]: Các nữ Cư sĩ ấy có người là bậc Dự lưu (Sơ quả Tu-đà-hoàn), có người là bậc Nhất lai (còn một lần nữa trở lại cõi Dục, tức là bậc Tư-đà-hàm), và có người là bậc Bất lai (tức là bậc A-na-hàm). ‘Nay các Tỷ-kheo, tất cả các Nữ cư sĩ ấy mạng chung không phải không có kết quả’. Có nghĩa là tuy chết cháy như vậy, nhưng quý vị thấy trong đó có những người là bậc Dự Lưu, có người là bậc Tư-đà-hàm, có người là bậc A-na-hàm, cho nên là chết như vậy không sao, cũng có kết quả đó.

Quý vị thấy, không phải là Thánh nhân thì không chết cháy nha. Cho nên là nhiều khi học Đại thừa bị ảo tưởng đó quý vị. Nghĩ là thành Thánh nhân rồi, được chư Thiên ủng hộ, bảo vệ v.v... đủ các kiểu. Nhưng thực tế không phải! Chúng ta thấy trong kinh, đúng kinh Nguyên thủy, cho dù là A-la-hán cũng bị bò húc chết, có nhiều cảnh rất bình thường. Cho nên chứng quả là chứng quả thôi, còn thân thể thì vẫn bình thường.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. Đời bị si trói buộc,
Được thấy bị tái sanh,
Bị trói bởi sanh y,
Kẻ ngu bị mù mây,
Tự thấy mình thường còn,
Nhưng với ai thấy được,
Sẽ không có vật gì.

((7.10) Udena - Kinh Phật Tự Thuyết (Udānapāli)- Kinh Tiểu Bộ.

Quý vị thấy ở đây, rõ ràng Đức Phật có bài kệ, chúng ta để ý lại một chút. [Bài kệ] nói rằng: Đời bị si trói buộc (Si tức là Vô minh đó); Được thấy bị tái sanh (tức là nếu thấy thì còn tái sanh); Bị trói bởi sanh y (tức là còn có những nguyên nhân để sanh ra, tái sanh trong luân hồi là Dục ái, Hữu ái, Vô hữu ái); Kẻ ngu bị mù mây (cái mù đó tức là Vô minh bao vây); cho nên Tự thấy mình thường còn (ai mà thấy mình thường còn là bị Vô minh đó, bị mù đó); Nhưng với ai thấy được; Sẽ không có vật gì (khi thấy rõ được Pháp thì mình sẽ không chấp vào mình thường còn nữa).

Quan niệm sai lầm nhất của người học Phật là chấp thường còn, tự thấy mình thường còn. Đây là một sai lầm rất là nặng, hầu như nếu không học Chánh kinh hay là không học đúng Phật pháp thì bị chấp vào đó, rồi cứ nghĩ là mình thường còn. Thực tế chúng ta học rất nhiều rồi, thời gian gần đây

chúng ta nói đến rồi. Đức Phật nói đó là Tà kiến. Đó thuộc về Thường kiến. Và có người thế gian, người ta không học thì lại chấp vào Đoạn kiến, tức là người ta cho chết là hết, không có gì hết, không còn nữa, thì lại rơi vào Đoạn kiến. Còn người học Phật mà học không đúng Phật giáo (gọi là học ngoại đạo, ngoại giáo) thì lại chấp vào mình thường còn, nghĩ là có một cái ta thường hằng bất biến qua bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp. Chính vì vậy vẫn là luân hồi thôi. Cho nên [chấp] kiểu gì cũng không được, chúng ta đã nói điều này rất nhiều rồi, chỉ nhắc lại thôi. Quý vị thấy Đức Phật rất hay nói điều này.

Chúng ta tới phần thứ hai, một câu chuyện hay tiếp theo, đó là:

Vua Ba-Tư-Nặc Khen Ngợi Sự Đặc Biệt Của Đức Phật

(Theo Kinh Trung Bộ)

Bài kinh này đã nhắc quý vị, không biết có ai xem hay không? Bài kinh này rất hay trong Kinh Trung Bộ.

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka (Thích-ca, dòng họ Thích). Medāḷupa là một thị trấn của dân chúng Sakka.

Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala đi đến Naṅgaraka vì có một vài công việc. Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với Dīgha Kārāyana:

- Nay Kārāyana, hãy sửa soạn các cỗ xe thù thắng, ta muốn đi đến các thượng uyển để ngắm phong cảnh.

- Thừa vâng, Đại vương.

Đoạn giới thiệu đầu tiên, chúng ta thấy Đức Phật ở tại một thị trấn của nước [Kosala], dân chúng dòng họ Thích. Lúc đó vua Ba-tư-nặc, là vua của nước Kosala (Kiều-tát-la) muốn đi thăm cảnh các vườn thượng uyển (vườn tốt đẹp; chữ thượng là cao thượng, tốt đẹp) để ngắm phong cảnh. Bây giờ sai người chuẩn bị đi.

Dīgha Kārāyana vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, cho sửa soạn các cỗ xe thù thắng, rồi thưa với vua Pasenadi nước Kosala:

- Tâu Đại vương, các cỗ xe thù thắng của Đại vương đã sửa soạn xong, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, leo lên một cỗ xe thù thắng, đi ra khỏi Naṅgaraka cùng nhiều cỗ xe thù thắng khác, với tất cả uy vệ của vua chúa, và đi đến vườn thượng uyển, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ, vào vườn thượng uyển.

Tả [thế] này thì quý vị thấy, ông đi cả đoàn xe chứ không phải một xe, vua mà. Chiếc xe rất đặc biệt, nên gọi là ‘xe thù thắng’. Đi đến khi nào xe không chạy được nữa thì thôi, thì mới xuống đi bộ, rất là đặc biệt.

Trong khi đi qua đi lại trong vườn thượng uyển, trong khi tản bộ thưởng ngoạn, vua Pasenadi nước Kosala thấy những gốc cây khả ái,

đẹp mắt, lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp với trầm tư mặc tưởng. Thấy vậy, vua liền nghĩ đến Thế Tôn: "Những gốc cây khả ái, đẹp mắt, lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp với trầm tư mặc tưởng này, chính tại đây, chúng ta đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác". Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với Dīgha Kārāyana:

- Nay Kārāyana, những gốc cây khả ái... Chánh Đẳng Giác. Nay Kārāyana, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trú tại chỗ nào?

Nghĩa là ông vua thấy cảnh đó rất là đẹp mắt, im lặng không có tiếng ồn, vắng người, thoáng gió, nên nghĩ đến Đức Phật. Bây giờ ông hỏi Đức Phật ở chỗ nào để đi đến. Bối cảnh là như vậy.

- Tàu Đại vương, có một thị trấn của dân chúng Sakka tên là Medāḷupa. Tại đấy, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đang trú.

- Nay Kārāyana, Medāḷupa, thị trấn của dân chúng Sakka, cách xa Naṅgaraka bao nhiêu?

- Tàu Đại vương, cách không xa, có ba yojana (do-tuần). Có thể đi đến chỗ ấy trong ngày. (Ba do-tuần là có thể đi đến trong ngày được. Chúng ta nghe ở đây thì thấy kiến thức mình học ngày xưa của ngài Tịnh Không không chính xác, [hồi xưa mình học] do-tuần là đơn vị quân đội đi trong một ngày. Nhưng ở đây không phải, có thể đi đến trong ngày cách ba do-tuần mà,

vậy thì đâu thể nói một do-tuần là quân đội đi hành quân trong một ngày. Cho nên điều đó là không chính xác).

- Vậy này Kārāyana, hãy sửa soạn các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

- Thừa vâng, tâu Đại vương.

Dīgha Kārāyana vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, cho sửa soạn các cỗ xe thù thắng, sau khi sửa soạn xong các cỗ xe thù thắng, liền tâu với vua Pasenadi nước Kosala:

- Tâu Đại vương các cỗ xe thù thắng đã sửa soạn xong, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Đoạn này giới thiệu dài quá, nhưng tóm lại là ông vua Pasenadi (là vua Ba-tư-nặc) đi vô vườn thượng uyển đã rồi, giờ ông nhớ đến Đức Phật, nên lại chuẩn bị xe để đi tiếp đến chỗ Đức Phật, cách ba do-tuần thôi.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, leo lên một cỗ xe thù thắng, và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, từ Naṅgaraka đi đến Medāḷupa, thị trấn của dân chúng Sakka, đến nơi đó nội trong ngày, rồi đi đến Tịnh xá. Vua đi xe cho đến chỗ nào có thể đi xe được, rồi xuống xe đi bộ vào Tịnh xá. (Cuối cùng thì ông cũng tới chỗ Đức Phật rồi).

Lúc bấy giờ một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Vua Pasenadi nước Kosala đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo ấy:

- Chư Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở đâu? Chúng tôi muốn yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

- Thưa Đại vương, Thế Tôn ở trong ngôi nhà này với các cửa khép kín. Hãy im lặng đến gần, bước vào hành lang nhưng không vượt qua, sau khi đăng hắng, hãy gõ vào khóa cửa. Thế Tôn sẽ mở cửa cho Đại vương.

Quý vị thấy đoạn này tả rất là chân thật, đúng không ạ? Đức Phật thật ra ở trong một ngôi nhà, Ngài cũng khép cửa. Và các Tỳ-kheo nói với vua Bạtư-nặc là hãy đến đó đăng hắng để báo trước, rồi gõ vào khóa cửa, Thế Tôn (tức là Đức Phật) sẽ mở cửa cho. Quý vị thấy rất là bình thường, chứ không phải cao siêu gì.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, ngay tại chỗ ấy, **trao kiếm và vành khăn cho Dīgha Kārāyana**. (Tức là ông là vua, nhưng ông cũng không mang kiếm vào để gặp Phật đâu, và cũng bỏ vành khăn trên đầu (mũ) xuống. Rất là tôn trọng, chứ không phải [là] vua rồi muốn mang kiếm đi đâu thì mang, đúng không? Tới gặp Phật là bỏ kiếm, không có mang kiếm, cũng không có đội mũ của vua nữa). Rồi Dīgha Kārāyana tự nghĩ: "Nay vua muốn đi một mình. Ở đây, ta phải dừng lại". Rồi vua Pasenadi nước Kosala im lặng đi đến căn nhà đóng cửa, sau khi đến, bước vào hành lang nhưng không vượt qua, đăng hắng và gõ vào khóa cửa. Thế Tôn mở cửa.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bước vào căn nhà, **cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, tay xoa rờ xung**

quanh chân và tự xưng tên:

- **Bạch Thế Tôn, con là vua Pasenadi nước Kosala. Bạch Thế Tôn, con là vua Pasenadi nước Kosala.**

Quý vị thấy hay không ạ? Tức là ông là vua, mà ông bỏ hết vũ khí (tức là bỏ kiếm), rồi gỡ mào xuống, sau khi vào nhà thì đánh lễ và miệng hôn lên xung quanh chân Đức Phật, tay xoa rờ xung quanh chân Đức Phật và tự xưng tên họ: 'Bạch Thế Tôn, con là vua Ba-tư-nặc nước Kosala'. Quý vị thấy rất là chân chất. Bây giờ mình gặp Phật, mình có đánh lễ được vậy không? Miệng hôn xung quanh chân Phật, tay xoa rờ xung quanh chân Phật và xưng tên. Đây là nghi lễ hồi xưa.

- **Thưa Đại vương, do thấy nguyên nhân gì, Đại vương lại hạ mình tốt bậc như vậy đối với thân này và biểu lộ tình thân ái như vậy?**

Quý vị thấy, Đức Phật thấy như vậy nên hỏi. Tất nhiên phải có nguyên nhân gì thì người ta mới làm vậy, đúng không ạ? Nguyên nhân gì mà một ông vua của nước lớn như vậy (nước Kosala là một nước lớn trong 16 nước lớn của Ấn Độ thời đó) mà ông lại hạ mình như vậy, thì chắc chắn phải có nguyên nhân. Đức Phật đâu có làm gì ông vua, quý vị thấy không ạ? Bây giờ ông giải thích:

- **Bạch Thế Tôn, con có pháp truyền thống (Dhammanvaya) này đối với Thế Tôn. (1)"Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".** (Đây là

câu tổng quan chung. Tức là Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp Thế Tôn được Thế Tôn khéo giảng và chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập hành trì). Ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn hành trì Phạm hạnh có giới hạn trong mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm. Những vị này, sau một thời gian, khéo tắm, khéo phẩn sáp, với râu tóc khéo chải chuốt, sống thụ hưởng một cách sung mãn, đầy đủ năm dục trường dưỡng. Ở đây, Bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo sống hành trì Phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh cho đến trọn đời, cho đến hơi thở cuối cùng. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đây ra có một Phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh như vậy. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn. "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác. Pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì".

Quý vị nghe [đoạn này] có thể không hiểu. Tất nhiên Thế Tôn, là Đức Phật, là bậc Chánh Đẳng Giác; Pháp được Thế Tôn khéo giảng và chư Tăng Đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập hành trì. Ông đưa ra sự so sánh đầu tiên, đó là ông thấy nhiều Sa-môn với Bà-la-môn ngoại đạo khác, cũng có tu hành phạm hạnh (thời đó là có 95, 96 giáo phái ngoại đạo lận), nhưng họ tu 10 năm, 20 năm, 30 năm, 40 năm gì đó, rồi sau đó họ trở về khéo tắm rửa, phẩn sáp, chải chuốt, rồi sống hưởng thụ một cách sung mãn, đầy đủ Năm dục. Năm dục là năm cảnh về sắc (là mắt), về tai là nghe đàn hát... rồi mũi ngửi mùi hương, miệng (tức là lưỡi) nếm được những vị ngon, và thân xúc chạm những điều êm ái. Ví như được về đắp chăn đệm rồi mặc quần áo đã đời. Họ

sống [phạm hạnh] chỉ có được thời gian vậy thôi, 10 năm, 20 năm, 30 năm, 40 năm.

Còn các Tỳ-kheo của Đức Phật thì sống phạm hạnh viên mãn trọn đến cả đời, cho đến hơi thở cuối cùng là chết. Cho nên ông thấy Đức Phật tuyệt vời quá, Đệ tử của Phật cũng tuyệt vời quá, tại sao có thể làm được như vậy. Cho nên ông nói là hay quá, ở đây con mới thấy được như vậy thôi chứ ở tôn giáo khác thì không được như vậy. Ý ông nói vậy đó. Các Tôn giáo của Bà-la-môn thời đó không có được như vậy.

Cho nên đó là điều thứ nhất, quý vị thấy không ạ? Tức là đạo Phật hay vậy đó! Phật dạy làm sao mà các Tỳ-kheo vô tu tập là sống trọn đời giữ phạm hạnh, sống một cách đúng [như] vậy. Còn mấy đạo kia thì người ta sống được 10 năm, 20 năm, 30 năm, 40 năm gì đó là người ta trở lại sống hưởng thụ Ngũ dục một cách sung mãn, đã đời luôn. Kiểu vậy đó! Cho nên ông thấy đó là điều đặc biệt nhất, ông tán thán. Mình nghe như vậy thì mình mới hiểu đạo Phật chứ.

Bây giờ chúng ta tới điều thứ hai:

Lại nữa bạch Thế Tôn, vua chúa cãi lộn với vua chúa, Sát-đế-ly cãi lộn với Sát-đế-ly, Bà-la-môn cãi lộn với Bà-la-môn, gia chủ cãi lộn với gia chủ, mẹ cãi lộn với con, con cãi lộn với mẹ, cha cãi lộn với con, con cãi lộn với cha, anh em cãi lộn với anh em, anh em cãi lộn với chị em, chị em cãi lộn với anh em, bạn bè cãi lộn với bạn bè. Còn ở đây, bạch Thế Tôn, (2) con thấy các Tỳ-kheo sống với nhau thuận hòa, thân hữu,

không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đây ra, có một Phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh như vậy. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì".

Đoạn này miêu tả sự thù thắng của Tăng đoàn Đức Phật. Quý vị thấy không ạ? Ông vua Ba-tư-nặc nói là: Vua chúa cãi lộn với vua chúa (cãi lộn là ngôn ngữ của miền Nam, vì ngài Minh Châu là người miền Nam. [Còn] miền Bắc gọi là tranh cãi, cãi nhau). Tức là vua chúa thì cãi với vua chúa, Sát-đế-lợi (tức là các quan) cũng cãi nhau, rồi Bà-la-môn cãi với Bà-la-môn, những người tu hành theo các ngoại đạo cũng cãi nhau, rồi gia chủ cãi lộn gia chủ, mẹ cãi với con, con cãi mẹ, cha cãi con, con cãi cha, anh chị em cãi lẫn nhau, bạn bè cũng cãi với nhau.

Ông thấy thế gian thì như vậy, nhưng ông thấy các Tỳ-kheo thì sống thuận hòa với nhau, thân hữu, không cãi lộn, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Cho nên ông thấy chỉ có ở Đức Phật với Tăng đoàn mới có điều đó thôi, không đâu có được nữa. Cho nên là ông khen ngợi điều thứ hai.

Điều này, đọc nguyên văn như vậy thì chúng ta hiểu rồi đúng không ạ? Ở thế gian, chúng ta thấy rõ ràng, ông nói đúng, ông là vua mà. Vua cãi với vua, các quan cãi với nhau, rồi những người tu hành tại gia cãi nhau, các tôn

giáo cãi nhau, rồi cha con, anh em, vợ chồng gì cũng cãi, rồi bạn bè cũng cãi nhau luôn. Nhưng ông thấy là ở các Tỳ-kheo của Đức Phật thì sống hòa thuận, thân ái với nhau, không có cãi, mà hòa hợp như nước với sữa. Và câu cuối cùng là ‘nhìn nhau với cặp mắt ái kính’. Ông thấy chỉ có nơi Tăng đoàn của Đức Phật mới có điều đó, cho nên ông nói là Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng và Đề tử (chúng Tăng) của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì, quá tuyệt vời đúng không ạ? Cho nên hay như vậy đó!

Chúng ta tiếp tục. Đó là điều thứ hai. Bây giờ đến điều thứ ba:

Lại nữa, bạch Thế Tôn, (3) con đi du hành tản bộ từ công viên này đến công viên khác, từ cung uyển này đến cung uyển khác. Ở đấy, con thấy một số Sa-môn, Bà-la-môn gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật sự các bậc Tôn giả này sống Phạm hạnh không được hoan hỷ hay có những ác nghiệp được giấu kín. Do vậy, các vị Tôn giả này mới gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn. Con đi đến các vị ấy và nói:

"- Vì sao chư Tôn giả lại gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn?"

Các vị ấy trả lời như sau:

"- Tâu Đại vương, chúng tôi bị bệnh gia truyền".

Điều thứ ba là ông so sánh, tại vì dài quá nên xin phép cắt ra. Ông thấy là ông đi từ công viên này đến công viên khác, từ cung uyển này (tức là có những chỗ để người ta tu hành) [đến cung uyển khác] thì thấy các Sa-môn, Bà-la-môn đạo khác gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, không có gì đẹp mắt để người ta nhìn. Cho nên là ông nghi ngờ, ông nghĩ chắc các vị này tu Phạm hạnh nhưng chắc có ác nghiệp gì giấu kín, cho nên mới thành ra hình dáng như vậy. Ông hỏi thì các vị đó nói là chúng tôi bị bệnh gia truyền. Tức là họ cũng né tránh, họ nói là bệnh gia truyền. Tức là tu sai đó quý vị, tu sai nên mới như vậy. Còn tu đúng là sao? Tu đúng là như vậy, ông khen về Tăng đoàn của Đức Phật như sau:

Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào sự hỷ cúng của người khác, với tâm tư như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật sự các bậc Tôn giả này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự nên các bậc Tôn giả này hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào sự hỷ cúng của người khác, với tâm tư như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

Điều thứ ba, quý vị thấy không ạ? Tu đúng hay tu sai là biết liền, phải không ạ? Đệ tử của ngoại đạo, những người ngoại đạo thì xanh xao, bạc nhợt, rồi nhìn như không có sức sống. Hỏi họ thì họ nói là bị bệnh gia truyền. Còn ông thì thấy các vị Tỳ-kheo của Đức Phật, ai cũng phấn khởi, hoan hỷ, an lạc, các căn thoải mái, không dao động, rất bình tĩnh, sống dựa vào sự cúng dường người khác nhưng với tâm tư như con thú rừng. Cho nên ông nghĩ là các vị này phải có thành tựu nào đó trong giáo lý của Đức Thế Tôn thì mới được như vậy, nên ông khen ngợi. Đó là điều thứ ba.

Cho nên ở đây, [quý vị thấy] tu đúng hay tu sai là biết liền phải không ạ? Ai tu theo ngoại đạo là khổ. Còn tu theo giáo pháp của Phật đúng, quý vị thấy không ạ? Thì phải như vậy! Chứ không phải lấy khổ làm thầy, rồi khổ kiêu đó. Đó là sai đó nha! Cho nên nhiều người tu, hồi xưa những đồng tu tu Tịnh độ tại sao khổ, mình coi tới đây thì mình biết rồi đó, [vì] mình tu không đúng. Còn Đệ tử của Đức Phật tu đúng.

Điều thứ tư:

Lại nữa, bạch Thế Tôn, (4) con là một vị vua Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh, có thể hành quyết những ai đáng bị hành quyết, gia phạt những ai đáng bị gia phạt, trục xuất những ai đáng bị trục xuất. Nhưng bạch Thế Tôn, khi con ngồi xử kiện, có người đôi khi nói ngắt lời của con. Và con không có dịp để nói: "Này quý vị, chớ có ngắt lời nói của ta, khi ta đang ngồi xử kiện. Quý vị hãy chờ cho đến khi ta nói xong". Bạch Thế Tôn, thế mà có người vẫn ngắt lời nói của con. Còn ở đây,

bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, trong khi ấy không có một tiếng nháy mũi hay tiếng ho khởi lên. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, có người đệ tử Thế Tôn ho lên. Một đồng Phạm hạnh khế đập vào đầu gối và nói: "Tôn giả hãy im lặng, Tôn giả chớ có làm ồn. Thế Tôn, bậc Đạo Sư của chúng ta đang thuyết pháp".

Đoạn này hơi dài, nên chắc phải tạm dừng một chút, quý vị coi lại. Tức là ông vua Ba-tư-nặc nói ông là vua, ông có quyền ghê lắm, muốn hành quyết ai thì hành quyết (tức là muốn giết ai thì giết), muốn xử phạt ai thì xử phạt, trục xuất ai ra khỏi đất nước thì trục xuất. Nhưng khi ông xử kiện, thì có người còn ngắt lời của ông nữa, và ông không kịp nói là đừng có ngắt lời của ông, mà người ta [cứ] lo nói không à, cỡ nào thì cỡ, cũng có người ngắt lời của ông. Còn ông thấy các vị Tỷ-kheo, đặc biệt khi Đức Phật thuyết pháp, cả trăm người như vậy nhưng không có một tiếng nháy mũi, không một tiếng ho khởi lên, tất cả đều im lặng cho Đức Phật thuyết pháp.

Quý vị thấy hay không ạ? Một ông vua thì quyền lực vô song, muốn giết ai thì giết, muốn làm gì thì làm, mà cuối cùng cũng không làm được cái chuyện là khi ông nói bị người ta chen ngang. Còn Đức Phật, Ngài không có một cái gì hết, [Ngài] chỉ có thuyết pháp thôi, không có quyền uy xử phạt gì v.v... vậy mà mọi người đều im lặng để nghe Đức Phật. Ông kể, trong đó có một người ho lên, là có vị Tỷ-kheo khác khế đập vào đầu gối, nhắc im lặng

cho Đức Phật thuyết pháp. Cho nên ông nghĩ quá tuyệt vời, chỉ có Đức Phật mới có được điều đó, Tăng đoàn mới có điều đó. Quý vị thấy không ạ? Học những điều này thì chúng ta mới cảm thấy thương tưởng Đức Thế Tôn, mới kính trọng Đức Thế Tôn.

Chúng ta nghe ông nói tiếp ý đó:

Bạch Thế Tôn, con khởi lên ý nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Thính chúng này thật khéo được huấn luyện, không gây, không kiếm. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đồ chúng này có một đồ chúng nào khác được khéo huấn luyện như đồ chúng này. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

Quý vị thấy không ạ? Tức là ông khen Đức Phật, chỉ có nơi đây mới có Đức Phật, Tăng đoàn, thính chúng (tức là những vị Tỳ-kheo, những vị Cư sĩ) được khéo huấn luyện, không cần gây, không cần kiếm, mà huấn luyện được như vậy. Còn vua, có huấn luyện cỡ nào thì cũng không được.

Từ đó, quý vị thấy đức hạnh của Phật như thế nào. Cho nên mình nghe vậy thì mình mới biết được Phật thật, Phật giả phải không ạ? Phật thật là vậy đó! Còn ngày nay, người ta đồn Phật này, Phật kia, gì đâu mà ngay cả những người bên cạnh của họ cũng gọi là ma, toàn ma không. Họ gọi là ma, tức là vì phá họ đúng không ạ? Họ không tin. Cho nên đó là giả, đúng không ạ? Còn Đức Phật [mới] có sự thuyết phục, sự nhiếp chúng cực kỳ lớn. Đây,

chúng ta nghe trong Chánh kinh thì chúng ta mới hiểu được đức hạnh của Đức Phật tuyệt vời như thế nào, năng lực nhiếp thọ mọi người của Đức Phật tuyệt vời như thế nào. Những bài kinh này là để tăng niềm tin cho mình, để mình hiểu, từ trong đó bắt hoại tịnh đối với Phật, bắt hoại tịnh đối với Pháp, bắt hoại tịnh đối với Tăng. Nghe những bài kinh này thì mới có niềm tin bất hoại nha!

Đó là điều thứ tư. Điều thứ năm:

Lại nữa, bạch Thế Tôn, (5) con thấy ở đây một số Sát-đế-ly bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc. Những vị này đi chỗ này, chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ. Những vị này nghe: "Sa-môn Gotama sẽ đến thăm ngôi làng này hay thị trấn này". Họ sắp đặt câu hỏi: "Chúng ta sau khi đến sẽ hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi này. Khi bị chúng ta hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như thế này, thì chúng ta sẽ chắt vấn như thế này. Khi bị ta hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như thế kia, thì chúng ta sẽ chắt vấn như thế kia". Những vị này nghe: "Sa-môn Gotama đã đến thăm ngôi làng hay thị trấn này".

Đề tạm dừng chút, ở đây nói đến điều thứ năm. Là ở đó có nhiều Sa-môn, Bà-la-môn ghê lắm, dòng Sát-đế-lợi, Bác học, học rộng nghe nhiều ghê lắm, có khả năng tế nhị, nghị luận biện tài uyên bác như chia chẻ sợi tóc (tóc mà chia chẻ ra được đó). Với trí tuệ của họ, họ đi khắp nơi đả phá mọi tà kiến khác. Họ nghe Đức Phật tới, họ sắp đặt sẵn câu hỏi rồi, họ đặt câu hỏi,

họ dự kiến trước là Đức Phật nếu trả lời như thế này (trả lời A) thì họ sẽ hỏi tiếp tục nữa cho Đức Phật bí. Nếu Đức Phật trả lời B, thì họ sẽ nói theo kiểu khác để cho Đức Phật bí. Họ chuẩn bị hết như vậy rồi.

Tình huống này, quý vị thấy trong Kinh Tương Ưng hay Kinh Tạp A Hàm có những câu hỏi gọi là tặc-lê luận, tức là cái móc hai lưỡi, trả lời kiểu nào cũng bị dính chương hết. Nhưng gặp Đức Phật thì sao? Bây giờ chúng ta nghe tiếp:

Những vị này đến chỗ Sa-môn Gotama ở. Sa-môn Gotama với pháp thoại khai thị cho các vị này, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Được Sa-môn Gotama, với pháp thoại khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, họ không hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi (đã định trước), huống nữa là chất vấn! Trái lại, họ trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Bạch Thế Tôn, như vậy là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

Có nghĩa là khi họ chuẩn bị như vậy hết rồi, [chuẩn bị] câu hỏi đằng này đằng kia, nhưng khi gặp Phật, nghe Đức Phật giảng, khai thị thôi, thì [họ] phấn khởi, hoan hỷ, họ không còn hỏi luôn. Dẹp câu hỏi không cần hỏi nữa, không còn chất vấn nữa, mà trái lại trở thành Đệ tử của Phật luôn. Quý vị thấy sức nhiếp phục của Phật cỡ đó. Chứ không phải ngày nay, người ta nói mình là Phật, Bồ-tát tái lai gì đâu mà không có sức thuyết phục, đi đến đâu người ta không tin, đó là giả đúng không ạ? Cho nên đồ chính hăng khác

đồ giả. Chúng ta phải học những bài kinh này thì mới phân biệt được.

Chúng ta tiếp tục:

Lại nữa, bạch Thế Tôn, (6) con thấy ở đây một số Bà-la-môn bác học... gia chủ bác học... Sa-môn bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia như muốn đả phá các tà kiến... (giống như trên) họ không hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi (đã định trước), huống nữa là chất vấn! Trái lại, họ xin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn cho họ được xuất gia.

Được xuất gia như vậy, một số các vị ấy sống một mình, không phóng dật, nỗ lực, tinh cần và không bao lâu sau, tự chứng với thắng trí, chứng ngộ chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích tối thượng của Phạm hạnh mà những Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Họ nói như sau: "Thật sự chúng ta gần hoại vong! Thật sự chúng ta gần hoại diệt! Xưa kia chúng ta không phải Sa-môn lại tự xem là Sa-môn, không phải Bà-la-môn lại tự xem là Bà-la-môn, không phải bậc A-la-hán lại tự xem là bậc A-la-hán. Nay chúng ta mới thật là Sa-môn. Nay chúng ta mới thật là Bà-la-môn. Nay chúng ta mới thật là A-la-hán". Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

Nghĩa là ở trên, có một số người thì họ xin làm Đệ tử tại gia thôi, còn

ở đây, những người này thì họ xuất gia rồi, là Sa-môn, Bà-la-môn của ngoại đạo, còn những người trên kia là Cư sĩ thôi. Thì họ cũng chuẩn bị câu hỏi ghê gớm lắm, nhưng cuối cùng họ không hỏi nữa, họ không chất vấn nữa, họ xin xuất gia, sau đó họ chứng quả luôn, mới thật là A-la-hán. Thực tế hỏi xưa là họ tưởng lầm.

Quý vị thấy không ạ? Đức Phật có sức nhiếp phục lớn như vậy, người không xuất gia thì cũng làm Đệ tử, còn người xuất gia thì cũng thành A-la-hán luôn. Họ từ ngoại đạo mà muốn thử thách Phật, thì như vậy đó.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, (7) Isidatta và Purāṇā là hai quan giữ ngựa, ăn cơm của con, đi xe của con, sinh sống do con cho, và chính con đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình đối với con như họ hạ mình đối với Thế Tôn. Thuở xưa, bạch Thế Tôn, trong khi hành quân chống với đội quân đối nghịch, và muốn thử thách Isidatta và Purāṇā, hai quan giữ ngựa, con đến ở tại một căn nhà chật hẹp. Rồi bạch Thế Tôn, hai quan giữ ngựa, Isidatta và Purāṇā, sau khi cùng nhau đàm luận về chánh pháp hơn nửa đêm, rồi nằm xuống ngủ, với đầu của họ hướng về phía mà họ được nghe là chỗ Thế Tôn ở và với chân hướng về chỗ con.

Quý vị nghe, có hiểu không? Tức là hai ông quan giữ ngựa, ăn cơm của vua Ba-tư-nặc, đi xe của ông, rồi đời sống, tất cả đều do ông đem lại, danh tiếng... nhưng họ không cung kính hạ mình đối với vua Ba-tư-nặc. Còn đối với Phật, [Ngài] không có làm như vậy nhưng hai người đó lại cung

kính Phật. Ông có một lần thử, đó là khi đánh trận, khi ông vô ngữ chung túp lều với hai ông này, thì hai ông quan đó đàm luận về Phật pháp, Chánh pháp đến nửa đêm, thì nằm ngủ. [Khi] ngủ thì họ hướng đầu về phía Đức Phật, họ nghe nói Đức Phật ở hướng đó, họ hướng đầu về, còn hướng chân về phía ông vua Ba-tư-nặc. Quý vị thấy không ạ? Sự cung kính của người Cư sĩ đến cỡ đó, [trong khi] ông vua Ba-tư-nặc đem cơm v.v... đem danh vọng, tiền tài thế gian cấp cho họ, nhưng lại không bằng Đức Phật cung cấp giáo pháp cho họ. Quý vị thấy tuyệt vời như vậy đó! Ân đức của Phật nhiếp phục chúng sanh. Đây là ông vua tự nói ra, chứ không phải là Đức Phật nói. Vua Ba-tư-nặc tự thấy, tự nói ra. Ông là vua mà, ông thông minh lắm chứ, vua hồi xưa được đào tạo giỏi lắm quý vị.

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Hai quan giữ ngựa Isidatta và Purāṇa này ăn cơm của ta, đi xe của ta, sinh sống do ta cho, và chính ta đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình đối với ta như họ hạ mình đối với Thế Tôn. Thật sự những vị này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự" (tức là ông hiểu ra có sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý của Đức Phật). **Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".**

Quý vị thấy không ạ? Rất là tuyệt vời! Từ đó mình mới thấy giá trị của

Phật pháp. Hãy đem những bài kinh này, giới thiệu cho người ngoài nghe, có mấy bài thôi. Đọc bài kinh này [thì biết] tại sao Đức Phật được người ta cung kính, vua Ba-tư-nặc còn phải cung kính nữa. Ông tự hiểu ra là hàng quan của mình còn cung kính Đức Phật hơn mình nữa, mặc dù là ông cung cấp toàn bộ đời sống [cho họ].

Điều cuối cùng, điều thứ 8:

Lại nữa, bạch Thế Tôn, (8) Thế Tôn thuộc dòng Sát-đế-ly, con cũng thuộc dòng Sát-đế-ly. Thế Tôn là người nước Kosala, con cũng thuộc người nước Kosala. Thế Tôn được tám mươi tuổi, con cũng được tám mươi tuổi. Vì Thế Tôn thuộc dòng Sát-đế-ly và con cũng thuộc dòng Sát-đế-ly; vì Thế Tôn là người nước Kosala, con cũng thuộc người Kosala; vì Thế Tôn được tám mươi tuổi, con cũng được tám mươi tuổi; nên con sẵn sàng hạ mình tột bậc đối với Thế Tôn, và biểu lộ tình thân ái.

Quý vị thấy điều cuối cùng, ông nói là ông cũng thuộc dòng Sát-đế-ly (trong bốn giai cấp thời Ấn Độ xưa, dòng Sát-đế-ly là dòng vua chúa), Đức Phật cũng là dòng dõi vua chúa. Ông là người nước Kosala, Đức Phật cũng thuộc người nước Kosala. Ông được tám mươi tuổi, Đức Phật cũng được tám mươi tuổi. Giống nhau giữa hai người như vậy, nên ông cung kính hạ mình một bậc. Tại vì sao? Một người, nếu xét ra [thì] bằng mình hoàn toàn, thậm chí không bằng mình, nếu nói nước Ca-tỳ-la-vệ thì dòng họ Thích làm sao bằng nước Kosala được. Cho nên ông thấy mình, tất cả thì bằng hết mà cuối cùng mình thua, nên ông cung kính biểu lộ tình thân ái. Thật ra vì thấy có

đồng cảm. Chúng ta thấy rất tuyệt vời! Chứng tỏ bài kinh này nói lúc Đức Phật tám mươi tuổi, sắp nhập Niết-Bàn.

Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm. (Cuối cùng ông cũng đi thôi, vua lúc nào cũng nhiều việc).

- Thừa Đại vương, Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Khi vua Pasenadi nước Kosala ra đi không bao lâu, Thế Tôn cho gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, đây là vua Pasenadi nước Kosala. Sau khi nói lên những pháp trang nghiêm, vua đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Nay các Tỷ-kheo, hãy học các pháp trang nghiêm. Hãy thấu triệt các pháp trang nghiêm. Nay các Tỷ-kheo, hãy thọ trì các pháp trang nghiêm. Nay các Tỷ-kheo, các pháp trang nghiêm này liên hệ đến mục tiêu, là căn bản của Phạm hạnh.

Quý vị thấy bài kinh này tên là Kinh Pháp Trang Nghiêm. Quý vị coi trong Kinh Trung A Hàm, hình như ngài A Nan hỏi: “Bạch Đức Thế Tôn, bài kinh này tên là gì?” (Bài kinh giống tương tự như vậy). Thì Đức Phật nói: “Đây gọi là Kinh Pháp Trang Nghiêm”. Kinh này thật ra nói về sự trang

ng nghiêm, sự tốt đẹp của pháp của Phật.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

(89. Kinh Pháp Trang Nghiêm (Dhammacetiya sutta) – Kinh Trung Bộ.

Quý vị có thể coi trong Kinh Trung A Hàm cũng có bài kinh này. Ở đây, quý vị thấy từ khi học như vậy thì mình mới hiểu hơn, lâu lâu quý vị muốn biết Đức Phật có gì đặc biệt mà làm cho bao nhiêu người thích, hay nói chung gọi là triu mến, hay là khâm phục, hay là cung kính, thì quý vị có thể coi bài kinh này. Sơ sơ, ông vua nói ra được những điều đó. Chúng ta xui quá, chúng ta không được chứng kiến trực tiếp. Chứ nếu chứng kiến trực tiếp Đức Phật thì chắc mình còn [cung kính] hơn, ông vua còn phải cung kính như vậy. Chứ không phải quý vị thấy thời sau này, tới thời Trung Hoa là vua chẳng xem Phật giáo ra gì, mà còn đàn áp nữa. Vậy mà còn kêu các vị đó là Tổ sư, toàn là Phật Bồ-tát tái lai, mình thấy không đúng, đúng không ạ? Mình học trong kinh thấy rõ ràng, nếu là Phật thì có sự nhiếp phục lớn lắm, không có ông vua nào mà nhiếp phục bằng, từ đó chúng ta thấy điều đặc biệt này.

Chúng ta qua phần thứ ba, cũng là một điều cũng quan trọng nữa liên quan đến kiến thức này.

Đức Phật Đã Nói Về Ngài: "Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn đời sống nào khác nữa"

(Theo Kinh Trường Bộ)

Tức là Đức Phật đã khẳng định là Ngài không có tái sinh, không tái lai trở lại nữa. Bài kinh này, mục tiêu là đưa ra vấn đề đó để chấm dứt Tà kiến là có Phật tái lai này kia. Đời nay, đặc biệt là Trung Hoa, họ bày ra trò đó. Do họ không coi kinh hoặc họ cố tình dìm kinh, nên họ bày ra điều đó để họ dựng lên người của họ là Tổ cao siêu hơn Đức Phật. Chứ thật ra trong Kinh A Hàm và Kinh Nikaya, Đức Phật khẳng định đó là đời sống cuối cùng, không có đời sống nào khác nữa.

Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các Du sĩ ngoại đạo có thể nói như sau: "Đối với quá khứ, Sa-môn Gotama có tri kiến siêu việt. Nhưng đối với tương lai, Sa-môn Gotama không có tri kiến siêu việt, như sự việc xảy ra như thế nào, và vì sao lại xảy ra như vậy?" Như vậy, các vị du sĩ ngoại đạo này chủ trương rằng tri kiến về vấn đề này có thể được trình bày, nêu rõ bởi tri kiến một vấn đề khác, như những kẻ ngu si, không thông minh khác.

Bài kinh này dài lắm, ở đây cắt một khúc thôi. Đoạn này nói là các du sĩ ngoại đạo, họ có một cách để bắt bẻ Đức Phật. Tức là đối với quá khứ thì Đức Phật biết hết, nhưng đối với tương lai thì làm sao ông biết được. Họ nói vậy. Nhưng Đức Phật bác bỏ điều đó.

Này Cunda, (1)về vấn đề quá khứ, Như Lai có thể nhớ đến đời sống quá khứ, Ngài muốn như thế nào, Ngài có thể nhớ xa được như vậy. (2)Về vấn đề vị lai, Như Lai có trí do tuệ sanh: "Đây là đời sống

cuối cùng, nay không còn đời sống nào khác nữa".

Đây là nói về Đức Phật, Đức Phật có thể biết hai điều: Về quá khứ, Ngài có thể nhớ đến mức độ nào cũng được, muốn nhớ tới đâu là nhớ. Còn về tương lai, thì Đức Phật nói đây là đời sống cuối cùng rồi, không còn đời sống nào nữa, tức là nhập Niết-Bàn là hết rồi, không có trong luân hồi nữa. Cho [nên] cứ nói là tái lai gì đó, thì không phải như vậy. Không phải một bài kinh này nói, mà nhiều bài kinh cũng nói như vậy.

Này Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là hư vọng, không thật, không lợi ích, thì Như Lai không trả lời. Này Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, thì Như Lai cũng không trả lời. Này Cunda, **nếu những gì thuộc quá khứ là chơn chánh, như thật, và có lợi ích, thì Như Lai biết thời trả lời câu hỏi ấy.**

Có nghĩa là đối với quá khứ, mặc dù Đức Phật có thể biết hết tường tận, nhưng Đức Phật quán sát ba điều: Những gì quá khứ là hư vọng, không thật, không có lợi ích thì Ngài không nói, không trả lời. Tuy là quá khứ như thật, nhưng không mang lại lợi ích chân chánh như thật thì Đức Phật cũng không trả lời. Và những chuyện gì quá khứ chân chánh, như thật và đem lại lợi ích thì Đức Phật mới nói, mới trả lời. Đó là quá khứ. Còn về tương lai thì sao?

Này Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là hư vọng, không thật, không lợi ích, thì Như Lai không trả lời. Này Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, thì Như Lai cũng

không trả lời. Nay Cunda, **nếu những gì thuộc vị lai là chơn chánh, như thật, và có lợi ích, thì Như Lai biết thời trả lời câu hỏi ấy.**

Tuy Đức Phật biết tường tận về quá khứ, tường tận về vị lai, nhưng không phải cái gì Đức Phật cũng nói. Đức Phật chỉ nói những gì là chân chánh, là như thật, tức là đúng với sự thật tốt đẹp và có lợi ích thì Đức Phật mới nói.

Đoạn sau là về hiện tại, hiện tại cũng vậy, điều nào thuộc về chơn chánh, như thật và có lợi ích thì Đức Phật mới trả lời.

Nay Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là hư vọng, không thật, không lợi ích, thì Như Lai không trả lời. Nay Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, thì Như Lai cũng không trả lời. Nay Cunda, **nếu những gì thuộc hiện tại là chơn chánh, như thật, và có lợi ích, thì Như Lai biết thời trả lời câu hỏi ấy.**

Như vậy, nay Cunda, **đối với các pháp quá khứ, vị lai, và hiện tại, Như Lai là vị nói phải thời, nói chơn chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như Lai.**

Tức là không phải điều gì Đức Phật cũng nói, mà Đức Phật chỉ nói điều nào đúng, điều nào lợi ích, đúng Pháp, đúng Luật. Những điều nào thấy không có [lợi ích] thì Ngài im lặng, chứ Ngài không có nói. Phải hiểu như vậy!

(Trích từ Kinh Thanh Tịnh - Kinh số 29 trong Kinh Trường Bộ).

Bài Kinh 29 này là một trong những bài kinh cực kỳ hay. Bữa nay chúng

ta cũng chấm dứt một điều, là Phật không có tái lai. Ai mà nói tái lai là xạo đó, nói theo ngôn ngữ bây giờ là ‘đào lửa’, đào lửa nói lái lại là lừa đảo. Cho nên cố gắng đừng có bị dụ, đừng có bị lừa đảo.

Chúng ta tới mục tiếp theo, bài kinh này cũng quan trọng:

Điều gì là toàn bộ đời sống tu hành (Phạm hạnh)

(Kinh Tương Ưng Bộ)

Chúng ta tu hành, thì điều gì là quan trọng nhất? Bài kinh này sẽ nói điều gì quan trọng đối với người tu hành.

Một thời, Thế Tôn trú giữa các dân chúng Sakka (dòng họ Thích), tại thị trấn của dân chúng Sakka tên là Sakkara.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Một nửa Phạm hạnh này, bạch Thế Tôn, là thiện bạn hữu (kalyāṇamittatā), thiện bạn đảng (kalyāṇasahāyatā), thiện thân tình (kalyāṇasampavaṅkatā).

Tức là ngài A-nan nói với Đức Phật: một nửa đời sống Phạm hạnh (tu hành) là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng và thiện thân tình. Có nghĩa là giống như mình nói không học Pháp này là mất nửa đời tu hành. Tức là đời tu hành [mất] một nửa là do mình, và một nửa là do pháp đó. Ở đây, ngài A-

nan nói một nửa là do mình, một nửa là của thiện bạn hữu. Thiện bạn hữu là Thiện tri thức; thiện bạn đảng là những người tu hành; thiện thân tình là những người có thân tình qua lại. Bây giờ thế nào? Ngài A-nan nói có một nửa thôi, vậy Đức Phật nói thế nào? Ngài đánh giá câu nói này.

- Chớ có nói vậy, này Ānanda! Chớ có nói vậy, này Ānanda! Toàn bộ Phạm hạnh này, này Ānanda, là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình. Với Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình, này Ānanda, thời được chờ đợi Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành được làm cho viên mãn.

Tức là Đức Phật không nói một nửa cuộc đời tu hành đâu, mà nói là toàn bộ cuộc đời tu hành luôn. Toàn bộ Phạm hạnh tức là toàn bộ đời tu hành, mình dựa vào đâu? Dựa vào thiện bạn hữu (tức là Thiện tri thức), thiện bạn đảng (là người cùng tu với mình), thiện thân tình (là những người giao lưu tu tập thân với mình). Như vậy là toàn bộ đời sống Phạm hạnh, đúng không quý vị? Chút nữa, chúng sẽ phân tích tại sao như vậy? Đức Phật nói nếu được như vậy thì tự nhiên Thánh đạo Tám ngành (Bát thánh đạo) được tu tập và làm cho sung mãn, nên đưa mình đến giải thoát.

Cho nên nếu mình tu trật, không có Thiện tri thức, Thiện tri thức sai, đồng tu cũng sai, những người giao du tu tập thân với mình cũng sai. Thì đi tong luôn đời sống tu hành. Đó là lý do tại sao chọn thầy sai là đi sai luôn, cho nên nguy hiểm là vậy.

Và này Ānanda, thế nào là Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đảng,

thiện thân tình, tu tập và làm cho viên mãn Thánh đạo Tám ngành? Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo tu tập Chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập **Chánh tư duy**... (#liên hệ đến viễn ly tức là mình tu, mục đích là để giải thoát sanh tử; #liên hệ đến ly tham tức là tu để rời khỏi tham, chứ không phải tu mà càng tham; #liên hệ đến đoạn diệt tức là mình tu rồi, Chánh tri kiến là phải chấm dứt sanh tử; hướng đến từ bỏ. Tu như vậy gọi là Chánh tri kiến. Chánh tri kiến là gồm có xả ly, viễn ly tức là ra khỏi sanh tử, hướng đến không có tham, hướng đến đoạn diệt Phiền não, hướng đến từ bỏ luân hồi, rồi Chánh tư duy) ...**tu tập Chánh ngữ... tu tập Chánh nghiệp... tu tập Chánh mạng... tu tập Chánh tinh tấn... tu tập Chánh niệm... tu tập Chánh định** liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này Ānanda, là Tỷ-kheo thiện bạn hữu (cho nên ai tu tập điều đó thì mới là thiện bạn hữu (là Thiện tri thức) được. Còn nếu mình chọn thầy mà một hồi ông dạy cho mình tham nhiều hơn, rồi không có viễn ly, không có đoạn diệt, không có từ bỏ thì thôi rồi), **thiện bạn đảng, thiện thân tình, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.**

Này Ānanda, chính với pháp môn này, các ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình. Do Ta lấy thiện làm bạn hữu, này Ānanda, nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các

chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Chính với pháp môn này, này Ānanda, các ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình.

Tóm lại tu tập [phải] như thế thì mới được. Nhưng bài [kinh] này không có rõ, coi phần Chú Giải thì nói rõ hơn.

(Kinh (45.2) Một Nửa: Upaḍḍha (SA 768, SA 726, D 300/Q 966) – Kinh Tương Ưng Bộ).

***Trong Chú Giải, giải thích thêm:**

1. Kalyāṇamitta – Thiện bạn hữu là người:

(1) Có Chánh kiến;

(2) Tự mình thực hành Bát thánh đạo;

(3) Khéo dẫn dắt người khác đi vào con đường đoạn tận khổ đau.

Ai cũng [phải] có Chánh kiến, nếu không có Chánh kiến rồi thì thôi thua. Giống như mình tu có nhiều Pháp môn, mình theo người thầy này, mình theo người thầy kia, nếu vị thầy không có Chánh kiến là [thôi] rồi, xong, là trật luôn. Cho nên toàn bộ Phạm hạnh tiêu rồi, tức là toàn bộ đời sống tu hành bị trật hướng. Còn nếu có Chánh kiến thì ok, được thiện bạn hữu rồi.

2. Kalyāṇasahāya – Thiện bạn đảng là người: đồng hành lâu dài, không rời bỏ khi hành giả:

(1) Gặp thoái thất;

(2) Gặp nghi ngờ;

(3) Gặp chướng ngại trong Thiền chỉ và Thiền tuệ.

Thiện bạn đang là nhóm tu hành, thì phải đồng hành lâu dài, không rời bỏ khi mình gặp thoái thất. Tức là có lúc mình tu có vấn đề thoái thất, thì người ta không bỏ mình. Thứ hai là khi mình gặp nghi ngờ, thì người ta cũng giúp mình. Thứ ba là khi [mình] gặp chướng ngại trong Thiền chỉ và Thiền tuệ. Tóm lại phải có đủ ba điều kiện này mới gọi là thiện bạn đồng. Tức là những người tu chung với mình phải như thế, đi với mình lâu dài. Khi mình gặp khó khăn, thoái thất thì người ta khuyến khích cho mình. Rồi khi gặp nghi ngờ thì người ta giúp cho mình hết nghi ngờ. Rồi khi gặp chướng ngại trong tu thì người ta chia sẻ [cho mình].

3. Kalyāṇasampavaṅka – Thiện thân tình là:

(1) Mỗi quan hệ thân cận trong pháp;

(2) Không phải thân nhau vì lợi ích thế gian mà thân nhau vì đoạn trừ phiền não.

Thế nào là thiện thân tình? Là mỗi quan hệ thân cận trong pháp (tức là tu tập); mà không phải thân nhau vì lợi ích thế gian, mà thân nhau vì đoạn trừ Phiền não.

Toàn bộ ba điều đó mà tốt hết, thì toàn bộ đời sống Phạm hạnh (toàn bộ đời sống tu hành giải thoát) của mình quá ngon. Còn nếu mình không có

được điều đó thì làm sai hết. Bạn ác, người tu hành chẳng thân thiện, mà còn dối trá v.v... thì như vậy không có thiện bạn hữu (là thầy không có, không tốt), rồi không có thiện bạn đồng (là người tu hành, đồng hành), rồi không có thiện thân tình (là trong nhóm bạn đồng tu hành không có người thân tình với mình) thì thôi rồi, mình tiêu mất đời sống Phạm hạnh. Tức là coi như đời sống tu hành tiêu, vì toàn bộ đời sống tu hành phụ thuộc vào ba yếu tố này.

Bài kinh này xác định rõ, cho nên tu hành là phải có bạn là vậy đó. Trừ những người gọi là căn tánh quá cao thủ, họ tự đi một mình, họ tu nhiều đời quá rồi, họ tự đi, không cần người khác. Hoặc là những người có căn tánh Độc giác [là] tự mình đi, hoặc là những người học tu hành rất lâu đời thì mới được thôi. Còn không, thì đây là toàn bộ đời sống Phạm hạnh phải dựa trên ba điều này.

Nhớ! [Tìm] thầy cho đàn ông, tất nhiên chúng ta lấy kinh làm thầy, nhưng [đọc] kinh cũng có hiểu đâu. Cho nên không hiểu thì phải vừa học thầy, vừa học kinh. Chớ đừng có chạy theo thầy tà, là ông dắt mình đi luôn. [Cho nên] là phải học cả kinh nữa. Vừa có thầy giúp đỡ cho mình, vừa có bạn đồng hành v.v... bài kinh này nói như vậy.

Bây giờ, chúng ta đến phần thứ 4, Vi Diệu Pháp. Bữa nay, chúng ta sẽ học về ‘Lộ Trình Tâm Đắc Thiền’.

Vi Diệu Pháp: Lộ trình tâm Đắc thiền

1. Định nghĩa: Lộ trình tâm Đắc thiền là tiến trình tâm sinh khởi khi hành giả tu tập và chứng đắc được Thiền định (Thiền chỉ). (Người ta hay dùng Thiền định và Thiền Tuệ; Thiền định tức là Thiền chỉ, Thiền Tuệ tức là Thiền quán, thì chúng ta phải hiểu điều này).

Lộ trình tâm sinh khởi, tức là khi mình tu tập chứng đắc được Thiền thì sẽ sinh khởi một Lộ trình tâm như thế nào, chúng ta sẽ học trong bài hôm nay. Để học thì chúng ta ôn lại:

2. Chi thiền và Tâm sở:

Tâm sở thì có 52 món Tâm sở. Chi thiền thì có 7 Chi thiền, có khi nói 5 Chi thiền, có khi nói 6 Chi thiền, tùy. Chúng ta sẽ giải thích những Chi thiền đó.

TT	Chi thiền	Tâm sở
1	Tầm	Tâm sở tầm
2	Tứ	Tâm sở tứ
3	Hỷ	Tâm sở hỷ
4	Lạc	Tâm sở thọ
5	Định	Tâm sở Nhất hành
6	Xả	Tâm sở thọ
7	(Ưu)	Tâm sở thọ

Thiện Trang đưa ra bảng này [để] ôn lại thôi nha.

1. Chi thiên Tầm; Tâm sở là Tâm sở tầm.

2. Chi thiên Tứ; Tâm sở là Tâm sở tứ.

3. Chi thiên Hỷ; Tâm sở là Tâm sở hỷ.

4. Chi thiên Lạc; không có Tâm sở lạc mà là Tâm sở thọ. Thọ thì có thọ lạc, thọ hỷ. Còn Hỷ thì vừa là Tâm sở và cũng có thọ trong đó.

5. Chi thiên Định; tức là Tâm sở Nhất hành.

6. Chi thiên Xả; Tâm sở là Tâm sở thọ. Có khi người ta nói 7 Chi thiên, có khi không.

7. Chi thiên Ưu; là Tâm sở thọ luôn.

3. Các Chi thiên nằm ở 13 Tâm sở Tợ tha:

13 Tâm sở Tợ tha							
7 Tâm sở Tợ tha Biến hành	Xúc	Thọ	Tưởng	Tư	Nhất hành	Mạng quyền	Tác ý
6 Tâm sở Tợ tha Biệt cảnh	Tầm	Tứ	Thắng giải	Cần	Hỷ	Dục	

Biến hành là gì? Tợ tha là gì? Quý vị phải nhớ! Tợ tha là Tâm sở này nương theo các Tâm sở khác, tức là nó không nằm trong thiện, trong ác, mà theo thẳng thiện, thẳng ác. Giống như nó ba phải, nó theo thẳng thiện thì thành thiện, còn theo thẳng ác thì nó thành bất thiện. Đó gọi là Tợ tha.

Biến hành là lúc nào nó cũng có mặt hết, tức là 7 Tâm sở này là Biến hành trong tất cả các tâm. Chúng ta học 121 tâm, thì 121 tâm đều có 7 Tâm sở này. Tức là 121 tâm khởi lên thì luôn luôn có 7 Tâm sở này đồng sanh (tức là sanh cùng). Quý vị hiểu vậy là được.

[7 Tâm sở Tợ tha Biến hành] là: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý. Những Tâm sở này thì quý vị nhớ tên thôi, hoặc quý vị coi lại những bài giảng đầu: Xúc là thế nào, Thọ là thế nào, Tưởng thế nào, Tư thế nào, Nhất hành thế nào, Mạng quyền thế nào, Tác ý thế nào.

Còn 6 Tâm sở Tợ tha Biệt cảnh, Biệt cảnh tức là có những lúc tâm khởi lên [thì] nó có, có những lúc tâm khởi lên nhưng nó không có. Ví dụ như Tâm thiền thì có: Tầm, Tứ, Hỷ. Nếu là Sơ thiền thì có Hỷ.

Chúng ta coi 7 Chi thiền này nằm ở đâu trong 13 Tâm sở Tợ tha? Chúng ta thấy Tầm, Tứ thì nằm ở Tâm sở Tợ tha Biệt cảnh. Cho nên không phải lúc nào cũng đắc Thiền được, có lúc nó khởi những tâm không có. Hỷ cũng nằm ở 6 Tâm sở Tợ tha Biệt cảnh. Lạc là Tâm sở thọ. Định thì ở [Tâm sở] Nhất hành. Xả thì không phải không có trong này, mà nó nằm ở thọ. Ưu thì chúng ta nói sau.

Chúng ta thấy 5 Chi thiền [Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành] thì Thọ và Nhất hành có mặt trong mọi Tâm sở. Nhất hành tức là định, nhưng mình hay nói Nhất hành; Nhất hành là có một sự tập trung nhất định nào đó. Khi làm việc gì đó, thực tế là tâm cũng phải có sự tập trung nhất định thì mới khởi tâm được, chứ không là nó chạy về Tâm hộ kiếp mất rồi. Quý vị muốn sân

thì quý vị cũng phải có sự tập trung nhất định, quý vị muốn tham thì quý vị cũng phải có một sự tập trung nhất định, đó gọi là Nhất hành. Quý vị sân điều gì đó thì quý vị cũng phải có đối tượng để sân. Quý vị muốn tham điều gì thì cũng vậy. Cho nên đây là Nhất hành. Tầm, Tứ thì chúng ta hiểu rồi.

4.Chi thiên đối trị các Triền cái:

TT	Chi thiên	Triền cái
1	Tầm	Hôn thụy cái
2	Tứ	Hoài nghi cái
3	Hỷ	Sân cái
4	Lạc	Trạo hối cái
5	Định	Dục cái

1. Chi thiên Tầm thì đối trị được Hôn trầm, Thụy miên. Tầm là mình hướng đến một đối tượng nào đó. Khi tâm mình hướng đến một đối tượng nào, thì Hôn trầm (là tâm đơ đơ, buồn ngủ) hết. Ví dụ đang buồn ngủ mà nghe một cái đùng, hay nghe âm thanh ‘rầm’ [một] cái ở đâu đó, nhìn ra ngoài đường biết thấy có tai nạn giao thông là tỉnh ngủ liền. Tại vì lúc đó là mình hướng tâm về đó rất mạnh, tức là Tầm của mình rất mạnh, nó hướng tới đó. Cho nên là hết luôn Hôn trầm, Thụy miên, [mình] tỉnh táo sáng suốt. Cho nên ai buồn ngủ thì chú ý đến một cái gì đó. Nhiều khi buồn ngủ quá thì lấy tay nhéo vào chân một phát, vì đau quá nên sẽ chú ý về đó, gọi là Tầm, cho nên hết buồn ngủ.

2. Chi thiên Tứ (là Tâm sở Tứ) thì dẹp được hoài nghi. Tứ không phải

chỉ mỗi hướng đến mà quan sát rất rõ, tập trung [ở] đó rồi. Chi thiền Tầm là giống như con ong bay, hướng [đến] bông hoa thôi. Còn Tứ là con ong vòng quanh bông hoa, tức là nó quan sát bông hoa kỹ rồi. Cũng lấy ví dụ là tai nạn giao thông lúc này, lúc đầu mình nghe cái ‘rầm’ là mình chú ý rồi đúng không? Nhưng mình chưa biết là ai bị ngã, không biết người thân, người quen hay là người lạ. Nhưng lúc đó vừa thấy rất rõ ràng, xác định đó là người hàng xóm bị tai nạn rồi, té xuống rồi. Mình thấy như vậy là dứt hoài nghi ngay. Cho nên Tứ là hết hoài nghi.

3. Chi thiền Hỷ (tức là Tâm sở Hỷ) thì trừ được Sân cái. Sân là khó chịu cho nên sân, tức là vui thì không bị sân.

4. Chi thiền Lạc thì trừ được Trạo hối cái. Lạc là gì? Hỷ là trên tâm, Lạc là trên thân. Khi thân dễ chịu thì tự nhiên tâm mình không có phóng dật, không nghĩ lung tung, khó chịu. Trạo hối tức là tâm mình lảng xãng, lảng xãng. Quý vị để ý, khi nào tâm mình dễ chịu, lạc, thì tự nhiên trạo hối hết. Cho nên khi trạo hối thì cũng có sự bứt rứt trong người. Quý vị [có] để ý không? Đúng như vậy đó!

5. Chi thiền Định thì trừ được Dục cái, tức là những ham muốn ở cảnh dục. Năm cảnh dục là: ham muốn về thấy sắc đẹp, ham muốn về nghe âm thanh hay, ham muốn về ngửi mùi hương thơm, ham muốn nếm vị ngon, và ham muốn xúc chạm nhẹ nhàng, êm ái. Thật ra, nếu quý vị có định đúng mức, thì trừ được năm điều đó. Cho nên ai tu tới Cận định thôi, chưa vào Sơ thiền, thì tự nhiên ham muốn giảm. Mình tập trung tâm nhiều vào đó là quên hết cảnh bên ngoài. Nếu mình tu đắc được Sơ thiền [thì] trừ được hẳn

[những điều] này. [Mình] thấy trừ tạm thời thôi, nhưng trừ được. Đó là lý do.

Như vậy từng Chi thiên trừ được điều gì, thì chúng ta học rồi nha. Những điều này [chúng ta cũng] học hết rồi, giờ ôn lại đó, nên nói không kỹ lắm, nói sơ sơ thôi. Tầm trừ Hôn thụ cái; Tứ trừ hoài Nghi cái; Hỷ đối trị với Sân cái; Lạc đối trừ với Trao hồi cái; và Định đối trị với Dục cái.

Tiếp theo thì chúng ta ôn về Tầng thiên và các Chi thiên

5. Tầng thiên và các chi thiên

TT	Chi thiên	Tầng thiên theo Tạng Kinh	Tầng thiên theo Vi Diệu Pháp
1	Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định	Sơ thiên	Sơ thiên
2	Tứ, Hỷ, Lạc, Định	Sơ thiên	Nhị thiên
3	Hỷ, Lạc, Định	Nhị thiên	Tam thiên
4	Lạc, Định	Tam thiên	Tứ thiên
5	Xả, Định	Tứ thiên	Ngũ thiên

Nếu chia tầng thiên, thì có hai cách chia: Một là chia theo tạng kinh, thì [có] 4 tầng: Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên. Ở đây, chúng ta biết là có 5 tầng thiên, [nếu] xét theo tạng Vi Diệu Pháp; còn nếu xét theo tạng kinh thì chỉ có 4 [tầng] thiên thôi.

Bây giờ chia theo Chi thiên, Sơ thiên [thì] dù theo tạng kinh hay Vi Diệu Pháp thì cũng [có] 5 Chi thiên. Đó là: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định (Nhất tâm). Đủ 5 Chi thiên này, thì người đó đắc Sơ thiên theo Kinh tạng hay Sơ thiên theo Vi Diệu Pháp cũng được. Nếu bỏ được Tầm rồi, chỉ còn Tứ, Hỷ, Lạc, Định. Ví dụ như mình đang tu Biến xứ nước, đầu tiên mình phải tập trung quán sát

nước, quán sát nước... tập trung đến nước, [đến lúc] nào đó thì đắc Thiền (lát nữa chúng ta học sẽ biết đắc Thiền như thế nào). Đắc Thiền thì chúng ta đã học nhiều rồi, đắc [Sơ] Thiền thì lúc đó có Tầm, Tứ. Định nghĩa trong kinh gọi là **‘ly dục, ly các pháp ác bất thiện. Một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có Tầm, có Tứ’**.

Quý vị thấy rõ ràng [trạng thái] này là Sơ thiền. Mình còn phải chú ý đến đề mục, ví dụ như chú ý đến đề mục nước, mình còn phải quan sát, quan sát... phải hướng tới, hướng tới... thì đó mới [là] Sơ thiền. Tiếp theo, là bỏ Tầm rồi, chỉ còn Tứ thôi, tức là không còn quan sát kỹ nữa, [mà] chỉ cần tập trung vào đối tượng đó thôi. [Ví dụ tu] đề mục nước chẳng hạn, thì còn Tứ, Hỷ, Lạc, Định, thì theo Tạng kinh vẫn là Sơ thiền. Nhưng theo Vi Diệu Pháp, do bỏ một Chi thiền rồi nên gọi là Nhị thiền. Nên Nhị thiền của Vi Diệu Pháp thật ra là Sơ thiền của tạng kinh.

Thứ ba là khi mình tu đề mục nước, [thì] mình chẳng cần phải quan sát, chú ý đến nước nữa, mà mình tập trung vào sự an lạc. Lúc đó đối tượng tự nhiên hiện trong tâm rồi, thì mình không cần tập trung nữa, [mà] mình cũng thấy được. Lúc đó có một sự Hỷ, Lạc và Định, thì đó là Nhị thiền của tạng kinh và Tam thiền của Vi Diệu Pháp. Ai tu tập như đề mục nước thì lúc đó quý vị thấy nước, nước.., tâm quý vị thấy toàn là nước không thôi, thì quý vị không cần nhìn nữa. Đó là Tợ tướng, Trì tướng, lúc đó mình thấy nước quá trời, nhưng mình vẫn còn tập trung nhìn đối tượng nước. Ví dụ mình tu [đề mục nước] bằng tivi hoặc tu ngoài bờ hồ, bờ sông thì mình còn phải tập trung nhìn, nói theo tạng kinh thì là Sơ thiền thôi. Còn tới Nhị thiền thì quý vị thấy không cần nhìn nữa rồi, mà bây giờ thấy hiện cảnh nước luôn, thấy toàn bộ là nước thôi và mình tập trung trong đó. Đó là Nhị thiền, thấy thỏa mái, có Hỷ, Lạc, Định. Chúng ta chưa nói nhập định được lâu hay không,

thì chút nữa học, ở đây học để mình hiểu. Mà nếu nói theo Vi Diệu Pháp thì đó là Tam thiền rồi đó.

Tới trạng thái bỏ luôn Hỷ đi, còn Lạc và Định thôi, thì theo tạng kinh gọi là Tam thiền. Tức là lúc đó tâm không cảm thấy dễ chịu nữa, thấy bình thường thôi. Lúc đó có Lạc, là trạng thái dễ chịu của thân thôi, thân cảm nhận được như vậy. Lúc đó là Tam thiền của tạng kinh và Tứ thiền của Vi Diệu Pháp.

Cuối cùng, còn hai Chi thiền Xả và Định. Xả thì lúc đó là không thấy thọ lạc gì nữa, hoàn toàn là xả thọ. Và lúc này người tu tập trung với định trong tâm. Giống như Tam thiền và Tứ thiền, thì tập trung trong tâm, chẳng thấy cảnh gì nữa đâu. Tứ thiền là xả luôn đó, gọi là Ngũ thiền của Vi Diệu Pháp. Định của Tứ thiền rất ghê, vì lúc đó quý vị gần như dừng tâm. Tứ thiền của tạng kinh (hay Ngũ thiền của Vi Diệu Pháp) [thì] dừng tâm được luôn, nói chung quý vị hoàn toàn không có quan sát gì bên ngoài nữa. Đó là phải tu đến Tứ thiền.

***Ngoài 6 Chi thiền căn bản là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định, Xả, Nhất tâm; có khi kể thêm **Ưu thọ** (*domanassavedanā*). Nói vậy có nghĩa là Chi thiền ở đây không chỉ là những yếu tố cho Thiền định mà còn là yếu tố hỗ trợ cho tất cả các tâm thiện ác nói chung (*Ưu thọ này nghiêng về sự tập trung tâm trong trường hợp tâm bất thiện, chứ không phải là Chi thiền đề nhập Thiền*).**

Ưu thọ này, đôi khi kể ra cho đủ thôi, chứ còn đúng ra mình tu, thì không có Ưu thọ, [vì] ưu thì làm sao nhập Thiền được. Ưu là đôi khi mình làm điều gì, Tâm bất thiện [như] sân hoặc tham, nhưng có sự tập trung rất mạnh. Ví dụ người ta ghét ông đó, muốn đâm vào mặt ông đó, thì người ta

tập trung rất mạnh như vậy, đó là Ưu thọ. Cũng là một chi thiên, [nhưng là] Tà thiên, chứ không phải Chánh thiên. Tập trung như vậy, có sức mạnh chứ, [vì] đánh người ta mà, chẳng hạn như vậy. Đó là kể thêm cho có Ưu nữa, chứ còn thực tế [là] không có nha.

Nếu tu Thiên của Phật giáo đến Chánh định, Chánh thiên thì có 6 [Chi thiên] là: Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định, Xả, Nhất tâm này thôi. Tại sao nói 6 [Chi thiên], ở đây nói 5 [Chi thiên] thôi chứ? Còn một [Chi thiên] là Nhất tâm nữa. Nhất tâm cũng là Định đó, nhưng có khi người ta để ở sau, Nhất tâm là chỗ [Xả, Định] này. Cho nên kể là 2 nhưng thành ra 6, chứ thực tế nói Định là đủ rồi. Quý vị hiểu không ạ? Thực ra chúng ta chỉ cần nhớ Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định cho dễ. Định ở Tứ thiên khác Định ở Sơ thiên, cho nên người ta kể riêng ra. Vậy thôi!

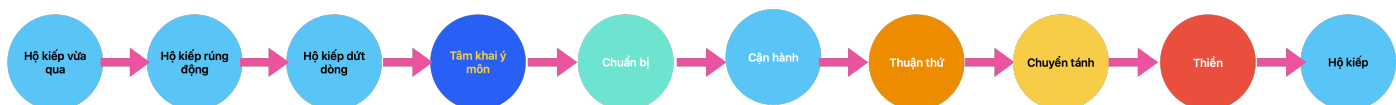
Bây giờ chúng ta vào phần chính hôm nay, đó là ‘Lộ trình tâm Đắc thiên’. Tu thiên như thế nào [để] đắc thiên. Quý vị xem có hai Lộ trình tâm Đắc thiên.

6. Lộ trình tâm Đắc thiên:

a. Lộ trình tâm Đắc thiên của người Trì căn (Độn căn):

Trì căn tức người Độn căn. Bên chữ Hán đôi khi dùng ‘Trì,’ đôi khi dùng ‘Độn’ (#Độn là chậm). [Nói] ‘Trì’ đi cho dễ, chứ nếu [nói] ‘Độn’ thì nghe ghê quá, sau này mình dùng từ Trì căn. Thì người ta tu tập thế nào?

a.Lộ trình tâm Đắc thiên của người Trì căn (Độn căn):



Từ Hộ kiếp vừa qua -> Tâm hộ kiếp đó rung động -> Hộ kiếp đó dứt dòng -> rồi Tâm khai Ý môn (bởi vì Thiền là thuộc cảnh ở trong tâm, nên phải Tâm khai Ý môn) -> rồi tới Tâm chuẩn bị -> Tâm cận hành -> Tâm thuận thứ -> Tâm chuyển tánh (hay có người gọi là Chuyển tộc) -> tới Tâm thiền -> rồi trả về Hộ kiếp.

Dòng này, thật ra toàn thấy Tâm hộ kiếp, có 3 Tâm hộ kiếp. Rồi Tâm khai Ý môn (đây là một loại Tâm hành, tức là Tâm hoạt động). Còn Tâm chuẩn bị, Tâm cận hành, Tâm thuận thứ, ba tâm này thực tế là ba Tâm thiện của Dục giới. Đối với người chưa đắc A-la-hán thì dùng Tâm thiện Dục giới để tu chỗ này. Còn đối với người đắc A-la-hán thì tất nhiên dùng Tâm tố để tu. [Tâm] chuyển tánh (hay chuyển tộc), không phải là Tâm đại thiện đâu, mà cũng là Tâm hành. Tức là tâm này ngoài 121 tâm, 121 tâm mình nói một hồi [bị] thiếu đó, quý vị thấy không? Tâm chuyển tánh [là] tâm riêng, Tâm chuyển tánh này không học nên ngoài 121 tâm. Rồi sau đó vào Thiền, Tâm thiền thì có mấy [Tâm] thiền.

***Tâm Thiền trên sơ đồ là:**

+ Tâm thiện thiền như Tâm thiện Sơ thiền, Tâm thiện Nhị thiền.... (Với Phàm phu tới bậc Thánh A-na-hàm) (dùng tâm đó để tu Thiền. Cho nên Tâm thiện này là Tâm thiện Sơ thiền, Tâm thiện Nhị thiền, Tâm thiện Tam thiền, hay gọi là Tâm thiện Sơ thiền Sắc giới gì đó... có nhiều cách gọi, nhưng nói chung mình hiểu Tâm thiện cho dễ).

+ Tâm tố thiền như Tâm tố Sơ thiền, Tâm tố Nhị thiền ... (Với bậc Thánh A-la-hán). (A-la-hán tu Thiền thì dùng Tâm tố rồi, chứ không phải dùng Tâm đại thiện của Dục giới nữa. Cho nên khi đắc Thiền, thì lúc này cũng là Tâm tố. Như vậy rõ ràng nha!)

b. Lộ trình tâm Đắc thiên của người Lợi căn:

b.Lộ trình tâm Đắc thiên của người Lợi căn:



Lộ trình tâm Đắc thiên của người Lợi căn cũng giống như vậy, nhưng bỏ được một bước chuẩn bị, không cần sát-na Tâm chuẩn bị này, mà là: Hộ kiếp vừa qua -> Hộ kiếp rung động -> Hộ kiếp đứt dòng -> rồi Tâm khai Ý môn -> tới Cận hành luôn -> Thuận thứ -> Chuyển tánh -> rồi Thiên -> trở lại Hộ kiếp.

Ở đây quý vị lưu ý, vẽ chỗ này [sát-na Thiên (màu đỏ)] là đắc Thiên. Đắc Thiên [chỗ này] là đắc có một sát-na Thiên thôi, rồi trả về Hộ kiếp. Còn nếu người ta đắc Thiên dài dài thì là: Thiên -> Thiên -> Thiên.... một loạt [sát-na] Thiên (sẽ vẽ [ở trường hợp] sau nha). Ở đây gọi là đắc Thiên, tức là đắc được một sát-na Thiên thôi cũng gọi là đắc Thiên. Chút nữa chúng ta sẽ phân tích trường hợp đó. Đắc Thiên ở đây là đắc được một sát-na Thiên thôi, gọi là sát-na định đó.

Ở đây, chúng ta phải biết thêm một chú ý nữa, đó là:

****Khi nào chúng sanh đã sanh về cõi Thiên (Phạm thiên) thì mới là Tâm quả thiên như Tâm quả Sơ thiên, Tâm quả Nhị thiên... (Còn nếu sanh về đó rồi mới đắc A-la-hán, thì lúc đó là Tâm quả Tổ thiên (có chữ ‘tổ’ nữa)).**

Thiên là gì? Cõi Phạm thiên tức là [từ] Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên trở lên, như cõi Phạm Chúng thiên, Phạm Phụ thiên, Đại Phạm thiên v.v... Thật ra nếu chia theo Vi Diệu pháp thì họ là Tâm quả Sơ thiên. Mình chia ra

kiểu như vậy, tại sao? Tức là về đó thì mới có Tâm quả, còn khi mình tu Đắc Thiền là mình mới chỉ có Tâm thiền nhân thôi, chưa [phải] Tâm thiền quả. [Mà] lên đó phải tu Thiền lại thì mới Đắc Thiền nha, chứ còn không tu lại thì không Đắc Thiền. Không phải có quả Thiền rồi là mặc định có Thiền đâu. Không phải! Phải tu Thiền lại thì đời sau nữa mới còn Thiền.

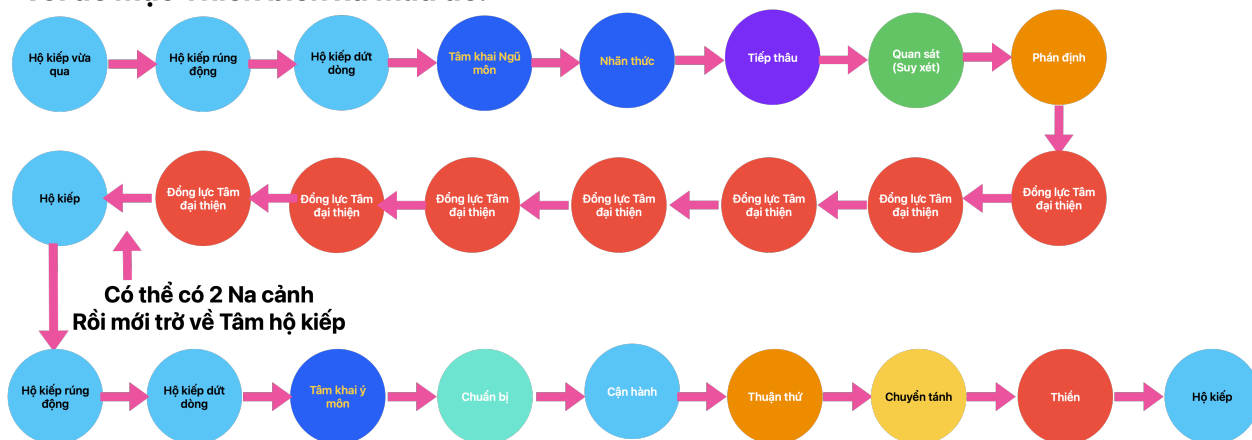
*****Nếu vẽ đầy đủ Lộ trình tâm từ tu đề mục Thiền nào thì phải vẽ đầy đủ phần trước, ví dụ ở đây vẽ cho trường hợp Hành giả tu Biến xứ màu đỏ thì lộ trình tâm Đắc thiền như sau:**

Ở đây (sơ đồ Đắc Thiền), thực ra vẽ một khúc thôi, vẽ lúc Đắc Thiền, có 9 sát-na tâm thôi. Nhưng khi tu tập, đâu phải có bấy nhiêu [sát-na] đó, [mà] trước đó mình phải có các đề mục Thiền. Ví dụ như Thiện Trang dùng Biến xứ màu đỏ đi, ở đây dùng [đèn] màu đỏ, màu tím hay màu đỏ gì thì cũng giống nhau, cũng gọi chung là màu đỏ. Thiện Trang mở những bóng đèn tròn tròn như thế này, mình bấm màu đỏ nhiều, để xung quanh nhà, thì rất dễ định tâm trong Thiền định đó, rồi khi mình tu rất dễ. Còn nếu quý vị cứ thay đổi liên tục, thay đổi nhiều quá thì có khi ấn tượng không sâu, mình tu sẽ khó. Cách tu là như vậy.

Giả sử Thiện Trang vẽ cho đầy đủ như sau:

a. Lộ trình tâm tu tập Đắc thiền của người Trì căn (Độn căn) với đề mục Thiền biến xứ màu đỏ.

**a.Lộ trình tâm tu tập Đặc thiền của người Trì căn (Độn căn)
với đề mục Thiên biến xứ màu đỏ:**



Ví dụ họ tu bóng đèn màu đỏ hay đề mục gì màu đỏ mà tròn tròn, để trước mắt, nhìn. Họ tu như vậy và giả sử đắc (tính từ lúc bắt đầu đắc): Đầu tiên là Tâm hộ kiếp vừa qua -> Tâm hộ kiếp đó rúng động -> rồi Hộ kiếp dứt dòng -> chuyển sang Tâm khai Ngũ môn (cụ thể là mở cửa Nhãn, tức là mắt họ nhìn về đối tượng. Đối tượng là bóng đèn màu đỏ hay là Kasina màu đỏ) -> rồi Tiếp thu (mắt tiếp nhận cảnh đó) -> Quan sát (Suy xét) -> Phán định -> rồi đưa ra dòng Tâm đồng lực là 7 [tâm] (Đồng lực tâm này phải là Tâm đại thiện của Dục giới. Không thể nào là Tâm bất thiện được, Tâm bất thiện không đắc Thiền đâu) -> sau đó nếu cảnh màu đỏ rất mạnh mẽ thì có thể có 2 Na cảnh -> rồi mới trở về Tâm hộ kiếp.

Sau đó từ Tâm hộ kiếp này -> Rúng động, -> Dứt dòng, -> Khai ý môn (mở cửa ý) -> rồi Chuẩn bị (lúc đó thật ra tâm mình chứa đề mục Biến xứ màu đỏ. Tức là lúc đó mình thấy toàn màu đỏ, tập trung vào hình vòng tròn màu đỏ đó, cho nên lúc này mới bắt đầu vô [Tâm] chuẩn bị, vẫn là Tâm đại thiện) -> Cận hành -> Thuận thứ -> Chuyển tánh -> rồi vào Thiền -> Giả sử người này tu kém quá, vào Thiền [rồi] rớt ra lại, nên trả về Hộ kiếp liền, tức là [được] Sát-na định thôi.

Đó là lần đầu tiên đắc Thiền, [nên] thông thường dễ bị như thế này, vô

Thiền một sát-na định xong rồi ra. Đó có thể là Thiền định, cho nên là một sát-na định.

*****Lưu ý:**

+ Hình lộ trình tâm trên chỉ là mô tả Đắc thiền (sát-na định: appanā-paṭilābha-khaṇa) mà thôi.

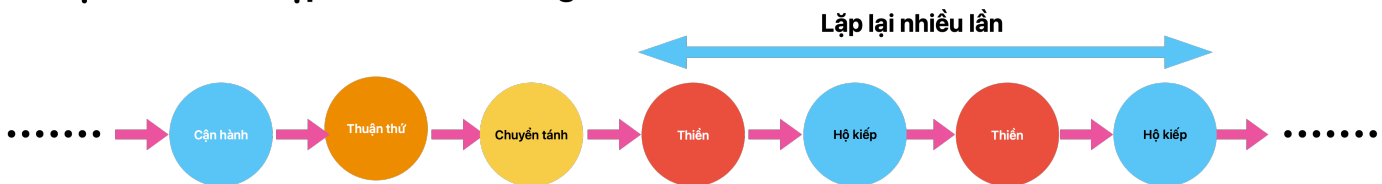
+ Còn khi nhập Thiền thì Tâm thiền (Appanā) được sanh ra liên tục, có 2 trường hợp như sau:

Thật ra khi đắc Thiền thì có nhiều sát-na Tâm thiền xuất hiện, chứ không phải một Tâm thiền này, vì định là mình nhập Thiền lâu mà. Nhập Thiền có thể là lâu lắm, chứ đâu phải vô một cái là ra liền. Đây vào rồi ra, thì là Sát-na định.

A.Khi định chưa vững (vào – ra Thiền liên tục, chập chờn)

a. Lộ trình tâm Nhập thiền chưa vững:

a.Lộ trình tâm Nhập thiền chưa vững:



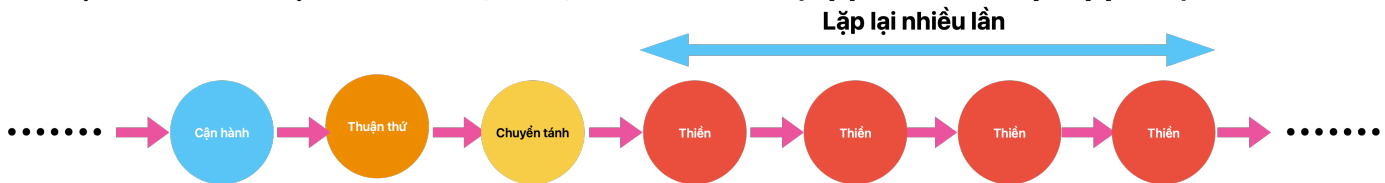
Mình cắt từ khúc Cận hành này thôi. Còn khúc trước thì giống [như] vậy rồi. -> Cận hành -> Thuận thứ -> Chuyển tánh -> Thiền -> rồi trả về Hộ kiếp -> rồi Thiền -> Hộ kiếp; Thiền -> Hộ kiếp; Thiền -> Hộ kiếp lặp lại nhiều lần như vậy, không biết bao nhiêu sát-na như vậy, có người cảm thấy như vậy. Quý vị, ai mà tu Thiền kiểu đó, thì Thiền chưa vững nên cảm thấy hơi chập chờn. Tức là tu đề mục Biến xứ màu đỏ, nhìn bóng đèn chẳng hạn, lúc thì tập trung được, lúc cảm thấy hơi dừng [một] chút. Tập trung -

dừng, tập trung – dừng... Mà [việc] dừng đó cũng nhanh lắm, cảm thấy hơi chập chờn chút thôi, chứ cũng ok. Đó là nhập Thiền, nhưng Thiền chưa vững.

B.Khi định vững – xuất thiền (an trú trong Thiền lâu tới khi xuất Thiền).

b. Lộ trình tâm Nhập thiền vững vàng (An trú thiền (Appana nối tiếp Appana)). Lộ trình tâm như sau:

b.Lộ trình tâm Nhập thiền vững vàng (An trú thiền (Appanā nối tiếp Appanā)):



..... -> Cạn hành -> Thuận thứ -> Chuyển tánh -> Thiền -> Thiền -> Thiền -> Thiền... Thiền lặp lại nhiều lần, bao nhiêu sát-na, có thể 100 sát-na, 1000 sát-na v.v... Thời gian mình thấy thiền định ở trong đó lâu là nhờ điều này. Thiền -> Thiền -> Thiền -> ... một hồi rồi mới trở về Hộ kiếp, rồi thoát ra. Đó là nhập Thiền vững vàng rồi.

Quý vị hiểu không ạ? Để Thiện Trang mô tả lại quá trình này theo ngôn ngữ bình thường, cho quý vị thấy nha. Chúng ta [xem] lại sơ đồ trên. Ví dụ quý vị tu đề mục Biến xứ màu đỏ, dùng bóng đèn. Thiện Trang có thể dùng bóng đèn để chỉnh màu cho quý vị thấy. Thiện Trang dùng điện thoại để chỉnh màu được, chỉ cần chỉnh trên điện thoại cũng có thể chỉnh được. Quý vị có thể không [nhìn] thấy [rõ màu], vì trên camera hơi kém, tùy chiếc [điều khiển], nhưng mình sẽ đổi được các màu. Khi đổi màu như vậy, thì người ta tu tập chọn đề mục nào đó, ví dụ như Biến xứ màu đỏ, màu hồng.

Từ [Lộ trình tâm] tu tập này, Tâm hộ kiếp vừa qua -> Hộ kiếp rung động -> Hộ kiếp dứt dòng -> Khai Ngũ môn (mắt mình nhìn vào đối tượng đó, gọi là Nhãn thức) -> rồi Tiếp thân (cảnh bóng đèn màu đỏ) -> Quan sát

(suy xét) -> Phán định -> rồi chạy 7 Tâm đồng lực (có thể thêm 2 Na cảnh nữa. Còn không có Na cảnh cũng được) -> rồi chạy về Hộ kiếp -> Hộ kiếp rung động -> Hộ kiếp đứt dòng (tức là nó quay một vòng khác nha) -> rồi Tâm khai Ý môn (tức là nhập Thiền thì phải là cửa ý, chứ không phải Nhân nữa). Lúc này đối tượng Kasina màu đỏ đó có trong tâm mình rồi, lúc này tâm bắt đầu dễ chịu (là Tâm thiện đó) -> rồi Chuẩn bị -> Cận hành -> Thuận thứ -> rồi Chuyển tánh -> bắt đầu vào Tâm thiền. Vào đây, do mình nhập Thiền được lâu, thật ra là Thiền -> Thiền -> Thiền -> Thiền... liên tục Thiền, có thể đến 1.000 Tâm thiền, 10.000 Tâm thiền gì đó, do Thiền lâu hay mau -> rồi trở lại Hộ kiếp là ra Thiền. Còn nếu mình tu chưa vững thì nó chập chờn, Thiền -> rồi Hộ kiếp; Thiền -> rồi Hộ kiếp... giống như sơ đồ ở dưới, cứ trả quả trả lại. Còn bao giờ Hộ kiếp rồi ra luôn, là xuất Thiền. Xuất thiền là như vậy, quý vị hiểu không ạ?

Thì tu như vậy, mình thấy đề mục rõ ràng là tu như thế. Ai tu lâu, mới đầu [tu] thì phải kiên định, kiên trì, chứ chưa gì hết [đã] chán rồi. Mình tu chưa hết đề mục thì làm sao vô Thiền được, cũng có An chỉ định chút chút nào đó, chưa vô bao nhiêu, nhưng tập nhiều lần thì vững, rồi Thiền sẽ cảm thấy được lâu. Rồi từ tầng Thiền này lên tầng Thiền khác, thì cũng phải xuất Thiền này rồi chuyển sang Thiền khác.

Xuất Thiền đó, trong khi tu tập gần như là tự động, mình đâu có cố tình gì đâu. Mình cảm thấy giống như vừa xuất Thiền, tức là nó trả về Tâm Hộ kiếp. Vừa trả về Tâm hộ kiếp, bắt đầu nó chạy tiếp ngay, chạy tiếp nữa, giống như ở [sơ đồ trên], nó đi vòng như vậy. Nhưng bây giờ Tâm thiện này là tâm Nhị thiền. Tức là lần đầu tiên mình tu, có khi mình đi hoài cái vòng này, Đồng lực tâm chạy rồi nhưng không có vô Thiền, nó cứ chạy vòng vòng (cứ chạy 2 vòng ở trên). Mình tu chưa đắc Thiền là cứ vòng hoài ở [2 vòng trên].

Khi nào đắc Thiền thì sẽ rẽ hướng xuống dưới, đi một vòng vào [Lộ trình tâm đắc Thiền] thì mới vào Tâm thiền được. Vào Thiền rồi, nếu lên Nhị thiền, thì từ Tâm hộ kiếp này bắt tiếp một vòng giống như vậy. Rồi nó quay lên, chuyển thành Nhị thiền, Tam thiền, rồi Tứ Thiền (tức là nó đi theo vòng).

Quý vị hiểu không ạ? Chúng ta hôm nay học kỹ rồi đó nha! Nếu chưa kỹ thì từ từ nghe, nghe mấy lần sẽ hiểu.

7.Các đề mục Thiền chỉ đề đắc Thiền:

Chúng ta đã học rồi, có 40 đề mục tu Thiền chỉ đúng không ạ? Thật ra có 40 đề mục tu Thiền chỉ, nhưng chỉ có 30 đề mục tu đắc Thiền thôi. Thiện Trang kể lại:

Trong 40 đề mục tu Thiền chỉ thì chỉ có 30 đề mục Đắc thiền			
TT	Đề mục	Tầng thiền đắc	Tổng số
1	10 Biến xứ (Kasina)	Sơ thiền đến Ngũ thiền	10
2	10 Bất tịnh (Asubha)	Sơ thiền	10
3	Niệm hơi thở	Sơ thiền đến Ngũ thiền	1
4	Niệm thân hành	Sơ thiền	1
5	Từ, Bi, Hỷ	Sơ thiền đến Tứ thiền	3
6	Xả	Ngũ thiền	1
7	4 Vô sắc	4 thiền Vô sắc	4
Tổng cộng Đề mục đắc Thiền			30

Cột thứ nhất là Thứ tự; cột thứ hai là Đề mục; cột thứ ba là Tầng Thiền đắc; và cột thứ tư là Tổng số có bao nhiêu đề mục.

1. 10 Biến xứ (Kasina) là: Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng,

Hư không, Ánh sáng. Thì đắc từ Sơ thiền đến Ngũ thiền. Ngũ Thiền ở đây là theo Vi Diệu Pháp (tức là Tứ Thiền). 10 đề mục này đều đắc Thiền nha.

2. 10 Bất tịnh (Asubha): 10 [đề mục] Bất tịnh quán cũng đắc Thiền, nhưng đắc Sơ Thiền thôi, chứ không đắc được nhiều. Cũng là 10 [đề mục].

3. Đề mục niệm hơi thở: thì đắc từ Sơ thiền đến Ngũ Thiền (tức là từ Sơ Thiền đến Tứ thiền của Kinh tạng). Đề mục này là 1 [đề mục].

4. Đề mục Niệm thân hành: tức là quan sát sự chuyển động của thân. Ví dụ mình hay để ý khi đi biết đi, khi đứng biết đứng, khi nằm biết nằm, làm gì biết nấy. Quý vị tu vẫn đắc Thiền nha, đắc Sơ Thiền. Cho nên đề mục này nữa là 1.

5. 4 đề mục phạm trú: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Đề mục Từ, Bi, Hỷ thì đắc Sơ thiền đến Tứ thiền của Vi Diệu Pháp (tức là Tam thiền của tạng kinh). 3 đề mục này cũng đắc Thiền.

6. Đề mục Xả thì đắc Ngũ thiền của Vi Diệu Pháp (tức là Tứ thiền của tạng kinh), cho nên đề mục này cũng tính là đắc Thiền. Cho nên muốn đắc [đề mục] Xả cũng không dễ đâu quý vị! Quý vị phải tu chứng các tầng Thiền kia, rồi mới tu [đề mục] này, thì mới đắc được Xả vô Lượng tâm.

7. 4 đề mục Vô sắc là: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, thì đắc bốn tầng Thiền Vô sắc. [Đề mục] này là được 4 [đề mục] nữa. Nhưng muốn đắc [đề mục] này, thì điều kiện là phải đắc Tứ thiền của Kinh tạng hay Ngũ thiền của Vi Diệu Pháp rồi mới tu.

Căn cứ vào bảng này, quý vị thấy các đề mục tu đắc Thiền, thì tổng cộng có 30 đề mục này thôi.

Còn lại 10 đề mục không đắc Thiền là:

Đề Mục Không đắc thiền
Tùy niệm (Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng, Niệm Giới, Niệm Thí, Niệm Thiên, Niệm Niết-Bàn, Niệm tử)
Quán 4 đại (Đất, Nước, Lửa, Gió)
Quán thức ăn

10 Tùy niệm (Tùy Niệm Phật, Niệm Pháp, Tùy Niệm Tăng, Tùy Niệm Giới, Niệm Thí, Tùy Niệm Thiên, Tùy Niệm An ban hay Tùy Niệm Niết-Bàn, Tùy Niệm Tử). 8 đề mục này không có đắc Thiền, mà chỉ đến Vị đạo định thôi (hay Cận định). Nhớ! Tùy niệm Phật, Tùy niệm Pháp là không đắc Sơ Thiền đâu. Cho nên không có cách nào niệm Phật mà đắc Thiền được đâu.

Quán 4 đại (Đất, Nước, Lửa, Gió) thì không đắc Thiền nha.

Quán thức ăn: quán Nhờm gồm thức ăn cũng không đắc Thiền.

Tổng cộng là 10 đề mục không đắc Thiền. Cho nên ở đây, Thiện Trang thấy dễ tu nhất là 10 Biến xứ, đối với Thiện Trang thấy 10 Biến xứ này dễ tu. Niệm hơi thở dễ tu, rồi Niệm thân hành này cũng được. Quý vị mà có lòng Từ, Bi nhiều đó, thì tu Từ, Bi, Hỷ nữa, thì cũng được. Còn lại 10 [đề mục] Bất tịnh này đối với Thiện Trang thấy khó, quý vị tu thử coi, Thiện Trang chưa tu 10 [đề mục] Bất tịnh. Tại vì không thích Bất tịnh lắm. Cho nên là tu [đề mục] Bất tịnh thì cảm thấy không dễ đắc Thiền, đó là đối với Thiện Trang. Cho nên mình thích tu đề mục tịnh hơn. Tịnh là 10 Biến xứ, với Niệm hơi thở là ngon rồi. Tu Niệm thân hành nữa cũng được, nhưng chủ yếu tu [những đề mục] này.

Quý vị thấy cách tu là như vậy đó, đề mục đắc Thiền rất rõ ràng. Cho

nên tu làm sao để đắc Thiền, mình ráng tu. Và Thiền chỉ cũng rất quan trọng. [Quý vị] nhớ là nhập Sơ thiền thì ngôn ngữ tịch diệt, không còn nữa. Cho nên ai mà nói niệm A Di Đà Phật, kêu réo suốt, mà để đắc Thiền thì chuyện đó là không thể. Bởi vì nhập Sơ thiền thì ngôn ngữ tịch diệt. Nếu còn âm thanh, thì *'âm thanh là gai nhọn (là chướng ngại) để nhập Sơ thiền'*. Cho nên ai mà niệm [to], la hét, niệm Phật đánh chuông rầm rầm mà bảo đắc Thiền được là không có. Đó là trái với trong kinh. Cho nên, những người đời sau, họ không đọc kinh, nên họ cứ nói một cách ảo tưởng vậy đó! Cho nên tu cả đời, không ai đắc Thiền là do họ không biết. Nếu như học trong kinh tràng hoàng thì khác, cho nên là phải học nha.

Đã giới thiệu đầy đủ [các đề mục tu Thiền chỉ] rồi. Quý vị có thể nghe, học. Cũng không khó gì đối với những người đã học và thực hành. Còn những người mà chưa thực hành thì chắc khó. Khó thì cứ từ từ tu, và lưu ý các đề mục [tu] Thiền, có người ăn rồi cứ chăm chăm một đề mục không [thôi]. Mà tu một đề mục thì khó vào, bởi vì đề mục đó có thể không phù hợp đối với mình. Cho nên là phải tu nhiều [đề mục], mà phải tu nhiều nữa, chứ không phải tu kiểu chơi chơi. Rồi kêu: 'Thầy ơi, con đắc Thiền không, khi mỗi ngày con bỏ ra 15 phút?' 15 phút mà quý vị đắc Thiền thì chắc nhiều đời quý vị tu ghê gớm lắm rồi. Chứ người ta tu, thường chiến đấu liên tục.

Quý vị thấy Thiền sư Pa-Auk (ngài Sayadaw đó), thì ngài chủ trương vô là phải tu Thiền [chỉ] mấy tháng, 3 tháng đến 6 tháng chuyên tu Thiền chỉ thôi. Các Thiền viện của ngài là ở trong rừng, ở chỗ vắng vẻ để mà yên tâm tu Thiền. Ở Châu Âu, tại Latvia, quý vị thấy có một Trung tâm Thiền của ngài, rồi ở Miến Điện, ở nước nào đó nữa. Có những Trung tâm tuyên rất là gắt gao, tức là vào, xác định là phải tu 3 tháng đến 6 tháng [tu] Thiền chỉ, đắc Thiền chỉ đã rồi tính tiếp. Sau khi tu Thiền chỉ xong rồi thì mới học Vi

Diệu Pháp, mới tu Thiền quán. Còn [cũng] có những dòng Thiền, ví dụ như dòng Thiền của ngài Ajahn Chah hay của các ngài khác, hay là có nhiều dòng Thiền họ tu toàn Thiền quán không [thôi].

Nhưng theo Thiện Trang, thấy học trong kinh thì rõ ràng Đức Phật dạy là lúc nào biết tu Thiền chỉ, lúc nào biết tu Thiền quán. Mặc dù có cách là [tu] Thiền chỉ trước, [tu] Quán sau, hoặc là [tu] Quán trước, Thiền chỉ sau. Hoặc là [tu] hai [pháp] song song. Nhưng nói chung phải có [tu] cả hai. Cho nên tốt nhất là [phải] tu. Và Thiền chỉ thì giúp cho mình an lạc, dễ chịu hơn. Còn tu Thiền quán thì phải học cho rõ ràng các Tâm sở rồi mới quán được chứ. Nói Tâm sân, biết Tâm sân. Mà cuối cùng mình không biết sân là gì [thì làm sao quán]. Tâm sở không biết, Tâm sân thế nào cũng không biết, thì làm sao tu. Cho nên ai mà lười quá thì thôi.

Có nhiều người cứ nói ‘con tu mỗi đề mục này’. Những người đó, Thiện Trang nói: Một là chưa thực hành, mình chưa tha thiết thực hành, cho nên mới như vậy. Còn mình phải thử chứ, thử đề mục này [một] thời gian, thử đề mục kia [một] thời gian, tu [đề mục] này không được thì tu [đề mục] kia. Không thử mà suốt ngày ôm mỗi [đề mục] hơi thở rồi tu, không đắc Thiền là đúng rồi. Cho nên tu không an lạc là đúng rồi. Tại vì sao? Căn tánh mỗi người mỗi khác. Chúng ta học bài chủng tánh rồi đúng không ạ? Chủng tánh nào] căn tánh nào, [thì] tu đề mục Thiền nào. Rồi chúng ta tu thế nào, chúng ta phải thực hành. Thực hành sau khi đắc rồi thì tu các đề mục khác dễ.

Cho nên cố gắng nha! Cố gắng thực hành, phải thực hành. Cứ tiện, nói [niệm] hơi thở là nơi nào cũng tu được. Đúng rồi! Nhưng khổ nổi hơi thở của quý vị tu chỉ tới đó thôi. Có nhiều người thì tu đề mục bất mỹ (quán bất tịnh) thì dễ vô, có người thì [tu] đề mục biến xứ màu, tu màu đỏ (nói màu

đỏ nhưng mình tu màu tím cũng được), rồi màu xanh thì có nhiều màu xanh, người này hợp màu xanh này, người kia hợp màu xanh kia. Rồi [tu đề mục] nước, [thì] có người hợp nước, có người sợ nước. Có người hợp lửa, có người sợ lửa. Có người hợp gió, có người hợp Hư không...

Cho nên tùy đề mục, [nhưng] mình phải tu, mình phải mò mẫm ra, bỏ thời gian ra tu. Cả đời mình không bỏ thời gian ra tu, mà cứ tu chập chờn, chập chờn, rồi chết lúc nào có biết được đâu. Ai cũng biết đắc một lần Thiền thôi, dù cho một sát-na Thiền thôi thì phước đức của mình quá trời, vô lượng luôn, nhiều lắm, đã lắm. Mà mình không chịu tu, toàn thích [tu] cái dễ, rồi lười. Cho nên nhiều khi đồng tu nói con tha thiết tu lắm, miệng [thì] nói vậy, chứ nhiều khi không thấy tha thiết chỗ nào. Tại sao tha thiết [mà] không bỏ thời gian ra tu? Tha thiết mà tại sao không tu thử đề mục này, thử đề mục kia đi, bỏ thời gian ra nhiều hơn để tu? Người ta tu cả tuần, cả tháng mới đắc Thiền chứ. [Như] Thiền sư Pa-Auk, quý vị thấy cho tu 3 tháng, 4 tháng, 5 tháng, 6 tháng. Còn mình tu bao nhiêu? Ngày vô tu 5 phút, 10 phút, 15 phút, 20 phút, rồi kêu không đắc Thiền, rồi nản chí, rồi kêu sao tu [mãi] không đắc Thiền. Cho nên không có tu! Đó là chúng sanh thời nay thích nghe hơn là thích thực hành.

Cho nên nói [với] quý vị là nghe pháp vừa phải thôi, cũng nghe, phải nghe chứ, không nghe là không biết tu. Nhưng phải thực hành nữa. Phải thực hành thì mới có hiệu quả, không thực hành thì đó chỉ là nghe thôi. Mình nghe, mình tưởng là hiểu, nhưng không hiểu đâu, cái hiểu của mình là cái

hiểu rất cạn cợt. Còn khi mình [có] Thiền rồi thì đầu óc mình sáng ra, thì mình mới hiểu được sâu, rồi từ đó mới bừng ngộ.

Cho nên quý vị thấy [để] chứng Sơ quả cũng phải có sát-na định, phải có Thiền. Sát-na định xong rồi mới chuyển tâm thành Định giải thoát được. Nhiều người có tu đâu! Mà ham chứng quả, nghe nói chứng quả thì ham lắm, nhưng thực hành thì không chịu thực hành, mà toàn chạy theo thế gian, coi cái này, coi cái kia, lung tung lang tang. Bao giờ quý vị vô Sơ quả thì quý vị yên tâm, quý vị đỡ hơn. Chứ chưa vô Sơ quả thì còn sợ.

Thiện Trang xin thông báo luôn, ai có câu hỏi gì thì hỏi trong Zoom trực tiếp. Chúng ta đã để [mặt khẩu] dưới Zoom rồi. Tuần này thông báo luôn là lịch chúng thay đổi. Chúng ta sẽ giảng hai tuần vào thứ Tư, cứ hai buổi nghỉ một buổi. Tức là tuần trước chúng ta giảng, tuần này chúng ta giảng, thì thứ Tư tuần sau chúng ta nghỉ. Còn thứ Bảy, ví dụ như tuần vừa rồi chúng ta giảng, thì tuần này chúng ta sẽ có Học Phật Vấn Đáp. Tuần này có Học Phật Vấn Đáp thì tuần sau giảng. Cứ như vậy, giảng rồi Học Phật Vấn Đáp, Học Phật Vấn Đáp rồi giảng, vào thứ Bảy. Còn thứ Sáu không có nữa, để chúng ta có thời gian hơn.

Thiện Trang thấy cứ bận bịu suốt ngày, thứ Hai cũng có mặt, thứ Ba thì lo chuẩn bị, thứ Tư thì giảng, còn mỗi thứ Năm. Thứ Sáu thì có Học Phật Vấn Đáp nữa, cuối cùng chẳng có thời gian tu. Như vậy không có nhiều [thời gian để tu], nên bây giờ sắp xếp lịch lại, [giảm] bớt xuống, giảng ít lại, giảng hai tuần nghỉ một tuần để có thời gian tu chứ. Thứ Bảy thì cũng được, thứ

Bảy thì một tuần vấn đáp, một tuần giảng là ok. Chủ nhật cộng tu Thiền online, hai tuần nghỉ một tuần. Để làm gì? Một là để quý vị nghỉ ngơi, hai là để quý vị tự tu, ra sông, ra [hồ] nước, ra biển gì đó [để] tu, thế thì hợp lý hơn.

Phải tự nỗ lực! Phải tự cố gắng! Không ai giải quyết sinh tử cho mình đâu, tự mỗi người giải quyết đi. Ai chưa thành Tu-đà-hoàn thì lo mà tu. Nên nhớ! Chưa [chứng] Tu-đà-hoàn thì có nhiều cái sai lắm, nhìn pháp sai lệch. Còn thành Tu-đà-hoàn rồi thì chỉ nhìn được pháp đúng thôi, nhưng trí nhớ [thì] cũng quên lên quên xuống, không có gì đâu. Cho nên là không có gì ngon lành đâu. Mà ngon lành là phải thường an trú trong Thiền. Bởi vì sao? Chúng ta đã học rồi, nhờ an trú trong Thiền, nên tâm mới phục được 5 Triền cái, mà không trú trong 5 Triền cái thì trí nhớ mới tốt được. Còn không [thì] trí nhớ không tốt, bị 5 Triền cái đó che lấp, chúng ta đã học bài trước rồi. Cho nên Tu-đà-hoàn mà không có tu Thiền, [thì] trí nhớ cũng không tốt đâu.

Đề ý [thấy] đúng rồi đó, quý vị tu Thiền nhiều là quý vị có trí nhớ tốt. Thiện Trang cũng vậy, Thiện Trang phải tu Thiền nhiều thì trí nhớ mới tốt. Còn người đắc Tu-đà-hoàn..., mà ai đắc đâu thì không biết nha.

Như vậy thôi! Tự mình ráng tu nha, Thiện Trang cung cấp hết rồi. Có gì hỏi thì vào thứ Bảy này, ai không hỏi được trong Zoom thì cứ bình luận trực tiếp dưới bài này, trên Facebook cũng được, trên YouTube cũng được. Bình luận câu hỏi thì Thiện Trang sẽ trả lời trên Zoom và đăng lên lại cho mọi người.

Hôm nay thời gian hết rồi, hẹn quý vị hôm khác. Mời quý vị, chúng ta
hồi hương.

“Nguyện đem công đức này

Hương về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều sớm thành Đạo quả”.